



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

11

Tháng 6 - 2020

HỘI THẢO “GIẢI PHÁP PHỤC HỒI THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN HẬU COVID-19”

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh phát biểu tại hội thảo



Hội thảo thu hút đông đảo chuyên gia, khách mời tham dự

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MỘT**

11

SỐ 11 - 6/2020



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 7
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 8
- Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng 10
- Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ năm 2020 12

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Kiên Giang quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

BẠCH MINH TUẤN

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiên cứu đề tài khoa học do Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội thực hiện 15
- Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nha Trang 16
- Hội nghị thẩm định Đề án công nhận khu vực thị trấn Ea Tling mở rộng, huyện Cư Jút của tỉnh Đắk Nông đạt tiêu chí đô thị loại IV 18
- Hội nghị thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định 19
- Nghiên cứu Dự thảo bộ Tiêu chuẩn TCVN “Hồ thu nước cho tòa nhà” 21
- Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nhà ở hiện trường của công nhân tại các công trình xây dựng 22
- Nghiên cứu Đề tài “Bảo tồn thích ứng di sản làng xã truyền thống trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới” 24
- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý phát triển kiến trúc tại các đô thị Việt Nam 27
- Những xu hướng phát triển các phương pháp thiết kế kỹ thuật số trong kiến trúc hiện đại 29

Thông tin

- Đại hội Đảng bộ Viện Vật liệu xây dựng nhiệm kỳ 2020 - 2025 34
- Vụ Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020 - 2022 36
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh dự Đại hội Chi bộ Trung tâm Thông tin nhiệm kỳ 2020 - 2025 38
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh tiếp Giám đốc Quốc gia Văn phòng KOICA tại Việt Nam Cho Han-Deog 39
- Hội thảo “Giải pháp phục hồi thị trường bất động sản hậu COVID-19” 41
- Quản lý chất thải ở các thành phố biển thông minh 43
- Thành phố Phần Dương, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc thực hiện toàn diện “quản lý thành phố thông minh” 45



Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 8 tháng 6 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 775/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi quy hoạch

- Phía Đông: giáp với tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước;
- Phía Nam: giáp với Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An;
- Phía Tây và Bắc: giáp với Vương quốc Campuchia.

2. Quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu lập quy hoạch

a. Quan điểm lập quy hoạch:

- Việc lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với các nội dung định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, các quy hoạch ngành quốc gia liên quan đến địa bàn tỉnh Tây Ninh; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Kế thừa, tiếp thu các quy hoạch của tỉnh đã được phê duyệt còn phù hợp trong bối cảnh mới và danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được Chính phủ ban hành tại Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ ngày 02 tháng 12 năm 2019;

- Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế đặc thù của tỉnh, vận dụng thành tựu khoa học và công nghệ để tạo nguồn lực, động lực mới nhằm đột phá về năng suất, chất lượng cho sự phát triển

kinh tế - xã hội nhanh, lựa chọn tiêu chí phù hợp để phát triển bền vững. Khai thác lợi thế cạnh tranh của tỉnh để phát huy vai trò là động lực phát triển của cả nước ở phía Nam (vùng kinh tế trọng điểm phía Nam) và là cửa ngõ giao thương quốc tế của Việt Nam với Campuchia và các nước ASEAN; không gian phát triển theo mô hình kinh tế tổng hợp (công nghiệp công nghệ cao, kinh tế cửa khẩu, dịch vụ - du lịch, giáo dục đào tạo và nông - lâm - ngư nghiệp xoay quanh các đô thị hạt nhân cấp tỉnh, cấp khu vực, các đô thị cửa khẩu), với các hành lang phát triển kinh tế tỉnh trên các trục Bắc Nam (hành lang QL 22B, ĐT 789, ĐT 793, ĐT 785, đường sắt cao tốc dự kiến) và các trục Đông Tây (QL22, QL14C, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Hồ Chí Minh - Mộc Bài, ĐT 781, ĐT 782, đường sắt Hồ Chí Minh - Mộc Bài) nối các đô thị trung tâm tỉnh tới các huyện, xã, các trung tâm kinh tế vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng Hồ Chí Minh và gắn kết các nước trong khu vực;

- Phát triển tỉnh Tây Ninh dựa vào tiềm năng, lợi thế đặc thù, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực (bên trong và bên ngoài tỉnh), đột phá trên cơ sở quản lý và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực đất đai, tài nguyên; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với chuyển đổi số nền kinh tế, tham gia sâu rộng, có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa dịch vụ toàn cầu, phát huy các lợi thế cạnh tranh để mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm môi trường bền vững;

- Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh

xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, nâng cao mức sống của người dân, bảo đảm phát triển và công bằng xã hội giữa các tầng lớp nhân dân, giữa khu vực nông thôn với khu vực đô thị, giữa khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới; bảo đảm đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển với Campuchia. Chủ động, tích cực hội nhập và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội;

- Việc lập quy hoạch phải bảo đảm sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân theo quy định.

b. Nguyên tắc lập quy hoạch

- Đảm bảo tuân thủ theo Luật Quy hoạch, Nghị định, các Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch, các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường;

- Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia;

- Bảo đảm tính nhân dân, sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích quốc gia các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là

cao nhất, đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới;

- Đảm bảo tính khả thi, bền vững và dài hạn, tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn tiếp theo; phù hợp với khả năng cân đối, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh Tây Ninh;

- Đảm bảo tính mở, công khai, minh bạch, tính thị trường trong xây dựng hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; bảo đảm nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực.

3. Nội dung của quy hoạch

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh (gồm các điều kiện tự nhiên, xã hội; bối cảnh bên ngoài; tổng hợp các cơ hội, thách thức):

- Phân tích bối cảnh, đánh giá, nhận định về các lợi thế, cơ hội, khó khăn, thách thức và những ưu tiên của tỉnh thời kỳ quy hoạch;

- Phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế; điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và xác định các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch;

- Đánh giá về việc thực hiện quy hoạch thời kỳ trước;

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn (gồm thực trạng phát triển kinh tế, xã hội; công tác đảm bảo quốc phòng - an ninh; tổ chức không gian và phát triển hạ tầng; sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường);

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 8 tháng 6 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 776/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi quy hoạch

- Phần lãnh thổ đất liền có diện tích 4.737,44 km².

- Ranh giới hành chính tỉnh Quảng Trị có đường biên giới tiếp giáp:

+ Phía Đông giáp Biển Đông;

+ Phía Tây giáp tỉnh Savanakhét và Salavan, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

+ Phía Nam giáp huyện Phong Điền và A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Phía Bắc giáp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

2. Quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu lập quy hoạch

a. Quan điểm, nguyên tắc lập Quy hoạch

- Phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của đất nước, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch các ngành quốc gia, quy hoạch vùng;

- Tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo Luật Quy hoạch, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch. Phù hợp với các văn kiện, Nghị quyết của Đảng, văn bản của Quốc hội và Chính phủ. Chủ động phối hợp, cập nhật thông tin trong quá trình lập quy hoạch tỉnh với quy hoạch cấp cao hơn để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch;

- Đánh giá khách quan hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, xác định các yếu tố nội lực và các yếu tố tác động đến sự phát triển bền vững của tỉnh; các lợi thế phát triển kinh tế biển; các cơ hội liên kết giữa tỉnh Quảng Trị với các địa phương trong vùng, trong cả nước và vùng biên giới Việt - Lào; các cơ hội phát triển mới, các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết và tham gia;

- Hỗ trợ quá trình ra quyết định trong thu hút và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; kết nối liên thông, dự báo, phải có chính sách phản ứng nhanh khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, sự cố có tính thảm họa,...; đảm bảo tính khả thi và phù hợp với khả năng thực tế của tỉnh, đáp ứng các nhu cầu trong các giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2026-2030; phù hợp với tầm nhìn đến năm 2050;

- Kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành, lĩnh vực với quản lý lãnh thổ, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ chủ quyền biên giới trên bộ, chủ quyền biển đảo; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh khu vực biên giới Việt Nam - Lào.

b. Mục tiêu lập quy hoạch

- Là căn cứ pháp lý quan trọng để tỉnh Quảng Trị sử dụng hoạch định chính sách, kiến tạo động lực phát triển; đưa ra các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp đột phá phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời loại bỏ các quy hoạch chồng chéo đến đầu tư phát triển trên địa bàn;

- Làm cơ sở tái cấu trúc nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây

dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, Kế hoạch đầu tư công trung hạn trong các giai đoạn 2021-2025, 2026 đảm bảo tính khả thi, khách quan và khoa học.

3. Nội dung lập quy hoạch

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Quảng Trị;

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

- Đánh giá về việc thực hiện quy hoạch thời kỳ trước;

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu phát triển tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và lựa chọn phương án phát triển của tỉnh:

+ Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

+ Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội.

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

+ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị cấp huyện.

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng danh mục dự án ưu tiên của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.

+ Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

+ Xây dựng báo cáo Quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt; hệ thống bản đồ; cơ sở dữ liệu về quy hoạch (địa CD); báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Xây dựng các nội dung đề xuất, nghiên cứu các nội dung đề xuất đưa vào Quy hoạch tỉnh phải bảo đảm cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn, nhu cầu phát triển, yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 8 tháng 6 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 783/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi quy hoạch: Phần lãnh thổ tỉnh An Giang với tổng diện tích tự nhiên là 3.536,7 km².

- Phía Tây Bắc giáp Vương quốc Campuchia;

- Phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Kiên Giang;

- Phía Đông Nam giáp thành phố Cần Thơ;

- Phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp.

2. Quan điểm, nguyên tắc

- Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030), Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025) của cả nước; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Phải đánh giá đúng thực trạng, dự báo được xu hướng phát triển nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong tỉnh; phù hợp với khả năng cân đối, huy động nội lực và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực, các vùng của tỉnh. Đảm bảo tính thống nhất, liên kết giữa quy hoạch tỉnh An Giang với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng theo Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đồng thời phải đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương trong tỉnh, vừa đáp ứng các nhu cầu trong hiện tại, vừa tạo nền tảng phát triển cho các thời kỳ tiếp theo;

- Bảo đảm tính nhân dân, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia; tính khả thi, khoa học, khách quan; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả; hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân theo quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017;

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng văn hóa, tinh thần của người dân; tái cơ cấu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí đầu tư hạ tầng; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, tạo sự thống nhất

trong đa dạng nền văn hóa Việt Nam; tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Nội dung lập quy hoạch

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh An Giang;

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

- Đánh giá về việc thực hiện Quy hoạch thời kỳ trước;

- Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án Quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển;

- Xác định phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn;

- Xây dựng và lựa chọn các phương án

+ Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội.

+ Phương án Quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư.

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

+ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn.

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn.

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài

nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn.

- Danh mục dự án của Tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.

- Hệ thống các giải pháp, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 724/QĐ-BXD ban hành Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

1. Mục tiêu

- Trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025, cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020 được Bộ Xây dựng thống kê, tính chi phí tuân thủ và công bố lần đầu (trước ngày 31/10/2020); đồng thời, giảm tối đa số lượng văn bản hiện hành có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành văn bản có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trên cơ sở các quy định pháp luật, nhất là các văn bản hành chính, thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nghị định của Chính phủ; ngăn chặn việc phát sinh những quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp và gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

2. Phạm vi thực hiện

- Thống kê, rà soát, tính chi phí tuân thủ, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (gồm: quy định về thủ tục hành chính bao gồm cả quy định về báo cáo; quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh; quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; quy định về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật) trong các thông tư, thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đang có hiệu lực và trong các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật mà Bộ Xây dựng được giao chủ trì soạn thảo, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Năm 2020, tập trung cập nhật đầy đủ dữ liệu và tính chi phí tuân thủ các quy định hiện hành liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ trên tất cả các lĩnh vực vào phần mềm thống kê, rà soát theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ; đồng thời, rà soát và kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa ngay những quy định không hợp lý, đang là rào cản, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, trong đó ưu

tiền nhóm quy định liên quan đến kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp

a) Triển khai thống kê, tính chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

- Thống kê, cập nhật đầy đủ dữ liệu và tính chi phí tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện các dữ liệu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng trên hệ thống phần mềm thống kê, rà soát do Văn phòng Chính phủ xây dựng.

- Cập nhật bổ sung, hoàn thiện các dữ liệu về quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng khi có thay đổi.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thống kê, tính chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

b) Triển khai rà soát, đánh giá; tính chi phí tuân thủ sau đơn giản hóa; đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

- Rà soát, đánh giá; xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và tính chi phí tuân thủ sau đơn giản hóa, gửi lấy ý kiến.

- Tiếp thu ý kiến của Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan liên quan và ý kiến của cá nhân, tổ chức, hoàn thiện Biểu mẫu rà soát, đánh giá, Biểu mẫu tính chi phí tuân thủ và Báo cáo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thông qua phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

- Trình Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến

hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

c) Thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch

- Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ) quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng đối với kiến nghị thuộc thẩm quyền của Bộ.

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cắt giảm (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ) quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cắt giảm (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ) quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tổng hợp, cập nhật, điều chỉnh Biểu thống kê và tính chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh sau đơn giản hóa trên Hệ thống phần mềm thống kê, rà soát phục vụ công tác theo dõi, đánh giá kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh sau khi văn bản (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ) quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được ban hành.

- Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

d) Thực hiện đối thoại, tham vấn, tiếp nhận, thu thập, ý kiến của các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp, các đối tượng tuân thủ về quy định không còn phù hợp, là rào cản, gây khó khăn đối với hoạt động kinh doanh; về các giải pháp, phương án cắt giảm, đơn giản hóa và các kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

e) Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan, địa phương trong việc lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật và giải quyết những vấn đề vướng mắc, bất cập liên quan đến nhiều bộ, ngành, cơ quan, địa phương.

f) Tăng cường truyền thông và đối thoại giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, người dân; huy động sự tham gia tích cực của Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính, các hiệp hội doanh nghiệp tích cực phản ánh, kiến nghị, góp ý về các dự thảo văn bản và văn bản hiện hành lên Cổng dịch vụ công Quốc gia để tăng tính phản biện của doanh nghiệp, người dân về các quy định pháp luật, qua đó nâng cao chất lượng

rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

g) Đẩy mạnh tuyên truyền và triển khai có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, thực hiện kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên cổng Dịch vụ công Quốc gia để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

h) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành khác có liên quan trong việc triển khai sử dụng phần mềm thống kê, rà soát quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, kết nối, chia sẻ dữ liệu về điều kiện kinh doanh, triển khai rà soát, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn (www.moc.gov.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ năm 2020

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 725/QĐ-BXD ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ năm 2020.

1. Xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

- Hoàn thành kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã xây dựng xong với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

+ Thời hạn thực hiện: Quý IV/2020

+ Chủ trì: Trung tâm Thông tin

+ Phối hợp: Cục GD, Cục HĐXD, Cục QLN.

- Hướng dẫn sử dụng phần mềm hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Thời gian thực hiện: Quý IV/2020

+ Chủ trì: Trung tâm Thông tin.

+ Phối hợp: Các đơn vị liên quan thuộc Bộ.

2. Hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (thực hiện theo Mục V Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 30/12/2019 của Bộ Xây dựng)

3. Hoạt động khác

- Dự các cuộc họp triển khai, sơ kết, chuyên đề, hội thảo, tổng kết liên quan đến thực hiện

Đề án 896.

+ Thời hạn: Năm 2020

+ Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng (Văn phòng Bộ, Trung tâm Thông tin) phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an

- Đơn đốc việc triển khai thực hiện Đề án 896 của Bộ.

- Tổng kết thực hiện kế hoạch năm 2020, giai đoạn 2013 -2020.

+ Thời hạn: Năm 2020

+ Chủ trì: Văn phòng Bộ.

+ Phối hợp: Các đơn vị liên quan thuộc Bộ. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Kiên Giang quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh

Ngày 10 tháng 4 năm 2020, UBND tỉnh Kiên Giang đã có Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng xác định giá đất cụ thể.

- Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Các trường hợp áp dụng

- Đối với các thửa đất hoặc khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng (tính theo giá đất trong Bảng giá đất do UBND tỉnh quy định) thì hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng trong các trường hợp sau:

+ Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia

đình, cá nhân.

+ Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất.

+ Tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất (trừ tổ chức) không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án.

- Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền

thuê đất hàng năm.

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công.

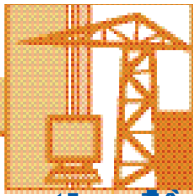
4. Hệ số điều chỉnh giá đất

- Hệ số điều chỉnh giá đất là: 1,0 lần.

- Giá đất được áp dụng đối với các trường hợp ở trên được xác định bằng hệ số điều chỉnh giá đất nhân (x) với giá đất trong Bảng giá đất do UBND tỉnh Kiên Giang ban hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2020.

**Xem toàn văn tại
(www.kien Giang.gov.vn)**



Nghiệm thu đề tài khoa học do Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội thực hiện

Ngày 2/6/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu đề tài khoa học “Nghiên cứu, đánh giá công tác chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ với hạ ngầm các tuyến dây cáp, đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách trong quản lý đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, địa điểm nghiên cứu tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh”. Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Trần Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Báo cáo trước Hội đồng, Chủ nhiệm đề tài - ThS. KTS. Chu Xuân Tiến cho biết sự cần thiết phải nghiên cứu, đánh giá công tác chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ với hạ ngầm các tuyến dây cáp, đề xuất các cơ chế chính sách trong quản lý đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, mục đích của nghiên cứu nhằm chỉ ra nguyên nhân chậm trễ, không đồng bộ giữa công tác chỉnh trang và công tác hạ cấp ngầm hiện nay, đề xuất các biện pháp tháo gỡ.

Báo cáo tổng kết đề tài bao gồm: Tổng quan công tác chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị trên thế giới; sự cần thiết phối hợp giữa công tác chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật và hạ cấp ngầm; nghiên cứu cơ chế chính sách liên quan tới chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ với hạ ngầm các tuyến dây cáp; tình hình chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị với hạ ngầm các tuyến dây cáp và các chính sách liên quan tại khu phố cổ, khu vực giáp khu dân cư cải tạo, khu đô thị mới; đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách trong quản lý đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị với hạ ngầm các tuyến dây cáp; kết luận kiến nghị.

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin, tài



Toàn cảnh cuộc họp

liệu liên quan đến công tác chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ngầm ở một số nước trên thế giới như Mỹ, Anh, Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, đồng thời đánh giá công tác chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị và các cơ chế chính sách trong quản lý đồng bộ hạ tầng kỹ thuật ngầm ở Việt Nam thông qua khảo sát thực tiễn tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

Nhóm đề tài kiến nghị: Cần nghiên cứu, xây dựng luật về sử dụng, khai thác không gian ngầm; tập trung làm thí điểm các trục tunnel ở một số thành phố; ban hành chiến lược phát triển đồng bộ hạ ngầm các tuyến cáp ở cấp quốc gia giai đoạn từ nay đến năm 2030; sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật nhằm đáp ứng công tác chỉnh trang, đồng bộ hóa đường dây cáp ở các đô thị loại II trở lên; tính lại đơn giá xây dựng hạ cấp ngầm các loại đường dây, đường ống cáp ngầm theo sát giá thị trường; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật khuyến khích chủ đầu tư trong lĩnh vực chỉnh trang và hạ cấp ngầm.

Nhằm nâng cao chất lượng Báo cáo tổng kết đề tài, các chuyên gia phản biện và thành viên

Hội đồng đã đóng góp nhiều ý kiến, trong đó lưu ý nhóm đề tài cần tập trung vào yêu cầu, nhiệm vụ chính của đề tài, đó là nghiên cứu, đánh giá công tác chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ với hạ ngầm các tuyến dây cáp, tránh việc đề cập quá rộng (khi nghiên cứu cả không gian ngầm), sẽ làm Báo cáo bị dàn trải, giảm giá trị.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Trần Anh Tuấn đánh giá cao sự nghiêm túc, cố gắng của nhóm nghiên cứu trong quá trình thực hiện đề tài. Các sản phẩm đề tài cơ bản đảm bảo chất

lượng. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu cần tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng, trong đó chú trọng rà soát toàn bộ Báo cáo tổng kết, lược bỏ những đoạn không cần thiết, chỉnh sửa lỗi in ấn và sử dụng thống nhất các thuật ngữ khoa học.

Hội đồng KH-CN Bộ Xây dựng đã nghiệm thu các kết quả của đề tài, đánh giá đề tài xếp loại khá.

Trần Đình Hà

Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nha Trang

Ngày 5/6/2020, tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định - đại diện các Bộ, ngành liên quan, Văn phòng Chính phủ, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành, các cơ quan chuyên môn của Bộ Xây dựng; đại diện chính quyền địa phương tham dự Hội nghị có ông Lê Hữu Hoàng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa và lãnh đạo các Sở, ngành của tỉnh Khánh Hòa và thành phố Nha Trang.

Về lý do, sự cần thiết lập đề án điều chỉnh quy hoạch, đại diện đơn vị tư vấn (Viện Quy hoạch Đô thị & Nông thôn quốc gia -VIUP) cho biết: Đô thị loại I Nha Trang là trung tâm tổng hợp của tỉnh Khánh Hòa với các chức năng hành chính, kinh tế, giáo dục chuyên nghiệp, du lịch và dịch vụ; được định hướng là trung tâm kinh tế lớn khu vực duyên hải Nam Trung bộ, cực tăng trưởng của ba tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên và Bình Thuận. Nha Trang – Khánh Hòa còn có vai trò là tiền đồn quan trọng của quốc gia về an ninh quốc phòng biển đảo.

Quy hoạch chung (QHC) thành phố Nha



Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị

Trang đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1396/QĐ-TTg ngày 25/9/2012. QHC 2012 là cơ sở để thành phố đạt những bước tiến lớn trong công tác đầu tư xây dựng, quản lý đô thị và phát triển kinh tế - xã hội. Với QHC 2012, lần đầu tiên thành phố được nối liền từ Bắc xuống Nam do khu vực sân bay Nha Trang được chuyển đổi thành trung tâm đô thị, tạo động lực phát triển mạnh mẽ tại phía nam thành phố. Du lịch hệ thống đảo vịnh Nha Trang, lấy đảo Hòn Tre làm trọng tâm phát triển, tới nay đạt được nhiều thành tựu lớn. Từ 2012 tới nay, Nha Trang luôn đóng góp lớn vào tăng trưởng du lịch nói riêng và tăng trưởng kinh

tế nói chung của toàn tỉnh Khánh Hòa. Nhiều dự án lớn về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng như cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, các trục giao thông, tuyến hạ tầng quan trọng tại Nha Trang, Cam Lâm, Cam Ranh, Ninh Hòa... đã được thực hiện, tạo những bước tiến lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Tuy nhiên, sau 7 năm thực hiện, QHC 2012 đã thể hiện một số bất cập cần điều chỉnh: Tầm nhìn của QHC 2012 không dự liệu được sự phát triển nhanh chóng và toàn diện của thành phố; các công cụ kiểm soát phát triển đô thị, nhất là kiểm soát chiều cao xây dựng phù hợp với đặc thù của thành phố cần được nghiên cứu bổ sung, giúp thành phố định hướng phù hợp hơn trong quy hoạch, đảm bảo sự hài hòa giữa gìn giữ giá trị cảnh quan văn hóa với tăng khả năng dung nạp đô thị; cần khắc phục là vấn đề giao thông - sự tăng trưởng kinh tế du lịch - dịch vụ khiến hệ thống giao thông thành phố trở nên thường xuyên quá tải, đặc biệt tại các trục giao thông chính và các đầu mối giao thông lớn như cảng biển. Bên cạnh đó, toàn bộ hệ thống hạ tầng cơ sở đầu mối của thành phố cần được mở rộng để đáp ứng nhu cầu đang tăng cao của một đô thị phát triển, dần có diện mạo của thành phố quốc tế.

Thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa ngày 28/2/2017, tại thông báo số 159/TB-VPCP ngày 24/3/2017, chủ trương lập đồ án điều chỉnh QHC thành phố Nha Trang đến năm 2040 đã được chấp thuận nhằm đáp ứng tình hình phát triển mới của thành phố.

Đơn vị tư vấn đã nghiên cứu lập hồ sơ Nhiệm vụ trong đó giữ nguyên phạm vi nghiên cứu đã được phê duyệt trong QHC 2012; đánh giá thực trạng phát triển đô thị theo các tiêu chí của đô thị loại I từ 2012 đến nay, xác lập những vấn đề cơ bản cần giải quyết trong đồ án điều chỉnh QHC. Tư vấn cũng lập các mục tiêu quy

hoạch cho giai đoạn ngắn hạn (đến năm 2030): Nha Trang sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh kinh tế biển, hoàn thành và vượt các tiêu chí đô thị loại I, giữ vững vị trí trung tâm kinh tế lớn nhất của tỉnh Khánh Hòa và vùng kinh tế trọng điểm Nam Trung bộ, với các định hướng phát triển du lịch - dịch vụ, nâng cấp hệ thống cảng biển, logistic, sân bay. Mục tiêu dài hạn (đến năm 2040), Nha Trang sẽ phát triển thành đô thị du lịch đẳng cấp quốc tế, là đô thị kinh tế động lực của quốc gia, một trong những trung tâm kinh tế của khu vực Đông Nam Á.

Nhìn chung, Hội đồng rất nhất trí với tính cấp thiết lập Nhiệm vụ điều chỉnh QHC thành phố Nha Trang. Ý kiến chung của Hội đồng là tư vấn cần phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc rà soát kỹ QHC 2012 và các quy hoạch liên quan, làm rõ những thế mạnh cần kế thừa và phát huy, những yếu kém cần khắc phục và thay đổi trong điều chỉnh quy hoạch lần này.

Tổng hợp các ý kiến của Hội đồng, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn lưu ý đơn vị tư vấn rà soát kỹ dữ liệu, số liệu, đảm bảo tính thống nhất và chính xác của hồ sơ Nhiệm vụ; nghiên cứu đánh giá kỹ hơn vấn đề chiều cao công trình trong thành phố. Về đề xuất tổ chức không gian - kiến trúc của các khu vực chức năng, Thứ trưởng gợi ý tư vấn xem xét thêm để xác định những khu vực đột phá, những điểm nhấn... nhằm tăng sự sinh động, hấp dẫn cho diện mạo đô thị.

Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa cùng tư vấn khẩn trương chỉnh sửa thuyết minh Nhiệm vụ theo các ý kiến đóng góp của Hội đồng, hoàn thiện dự thảo tờ trình và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trình Thủ tướng phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh QHC thành phố Nha Trang trong thời gian sớm nhất.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đề án công nhận khu vực thị trấn Ea Tling mở rộng, huyện Cư Jút của tỉnh Đắk Nông đạt tiêu chí đô thị loại IV

Ngày 08/6/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án công nhận khu vực thị trấn Ea Tling mở rộng, huyện Cư Jút của tỉnh Đắk Nông đạt tiêu chí đô thị loại IV. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các thành viên Hội đồng thẩm định đại diện các Bộ, ngành, Văn phòng Chính phủ, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành, ông Nguyễn Bốn – Phó Bí thư Tỉnh ủy – Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông và đại diện lãnh đạo các sở, huyện Cư Jút.

Theo Đề án, Ea Tling là thị trấn huyện lỵ của huyện Cư Jút, là đô thị có tính chất quan trọng ở cửa ngõ phía bắc tỉnh Đắk Nông. Nơi đây thuận lợi cho thông thương phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng nhờ nằm trên trục QL 14 và QL 28 kết nối với các đô thị trong tỉnh với các địa phương khác. Thị trấn Ea Tling mở rộng bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn hiện có và mở rộng sang xã Tâm Thắng với tổng diện tích 4.386,82 ha, quy mô dân số khu vực nghiên cứu là 38.606 người.

Qua thống kê cho thấy cơ cấu kinh tế trên địa bàn thị trấn Ea Tling trong những năm qua có sự chuyển dịch rõ nét. Mức tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 3 năm gần nhất của thị trấn Ea Tling mở rộng là 11,7%. Năm 2019 tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 24,424 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt mức xấp xỉ 40 triệu đồng/người/năm. Cùng với đó, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh trong 3 năm gần đây, hiện chỉ còn 3,3%. Những năm gần đây, ngành thương mại, dịch vụ trên địa bàn thị trấn có nhiều mặt chuyển biến tích cực. Hệ thống cơ sở hạ tầng đã và đang phát triển là động lực rất lớn để đẩy mạnh các loại hình dịch vụ thương mại như hệ thống các khách sạn, siêu thị mini, trung tâm



Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn – Chủ tịch HĐTD phát biểu kết luận Hội nghị

thương mại, ngân hàng... đáp ứng nhu cầu của người dân. Bên cạnh đó, trên địa bàn thị trấn Ea Tling mở rộng có 2 nhà máy điện mặt trời và một khu công nghiệp Tâm Thắng với tỷ lệ lấp đầy hiện tại 80% cùng với những dự án lớn khác đầu tư vào nơi này là những yếu tố cơ bản quan trọng góp phần tăng trưởng kinh tế, thu hút lao động cũng như tăng dân số cơ học cho thị trấn. Trong đó NM điện mặt trời Cư Jút là công trình điện mặt trời quy mô lớn đầu tiên được triển khai tại Việt Nam, là công trình đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế của huyện và tỉnh. Thị trấn Ea Tling đã và đang khẳng định rõ được vị thế, vai trò quan trọng của đô thị trong vùng tỉnh Đắk Nông trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, trở thành địa phương phát triển, năng động của huyện Cư Jút.

Tại Hội nghị, báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) và 2 báo cáo phản biện của Vụ Chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ), Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) cùng ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định thống nhất với các nội dung đánh giá trong Đề án, khu vực thị trấn Ea Tling mở rộng đã cơ bản hội tụ đủ các điều kiện cần thiết để công nhận

đạt tiêu chí đô thị loại IV. Các ý kiến tại Hội đồng cũng đóng góp bổ sung cho Đề án một số nội dung về hạ tầng kỹ thuật như: các công trình thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn nguy hại, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ, tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Tường Văn đánh giá Đề án công nhận khu vực thị trấn Ea Tling mở rộng, huyện Cư Jút của tỉnh Đắk Nông đạt tiêu chí đô thị loại IV được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định pháp luật hiện hành, và lưu ý địa phương một số vấn đề các thành viên Hội đồng đóng góp ý kiến như:

Thu hút nguồn lực phát triển kinh tế trên địa bàn không chỉ ở vùng lõi mà cả ở vùng mở rộng, khai thác phát triển du lịch gắn với Công viên địa chất Đắk Nông, rà soát kỹ các bản vẽ, khẩn trương hoàn thiện Đề án để sớm trình lại Bộ Xây dựng.

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị Bộ Xây dựng đã nhất trí thông qua Đề án công nhận khu vực thị trấn Ea Tling mở rộng, huyện Cư Jút của tỉnh Đắk Nông đạt tiêu chí đô thị loại IV, với điểm số là 86,12 điểm.

Ninh Hoàng Hạnh

Hội nghị thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định

Ngày 11/6/2020 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn, Chủ tịch Hội đồng thẩm định, chủ trì Hội nghị.

Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định do Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn quốc gia lập theo Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 28/3/2020. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch giữ nguyên theo Quyết định số 2084/QĐ-TTg ngày 22/11/2011 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Nam Định đến năm 2025, gồm toàn bộ diện tích thành phố Nam Định, huyện Mỹ Lộc, 3 xã Đại An, Thành Lợi và Tân Thành của huyện Vụ Bản và 5 xã Nam Mỹ, Nam Toàn, Hồng Quang, Điền Xá và Nghĩa An thuộc huyện Nam Trực, với tổng diện tích khoảng 188km².

Theo Báo cáo thuyết minh đồ án, thành phố Nam Định là đô thị loại I, trực thuộc tỉnh Nam Định, là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thương mại, dịch vụ du lịch của tỉnh Nam



Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn phát biểu kết luận Hội nghị

Định, có vị trí chiến lược quan trọng trong khu vực đồng bằng sông Hồng của Việt Nam.

Sau khi Quy hoạch chung xây dựng thành phố Nam Định được phê duyệt năm 2011, tỉnh Nam Định và thành phố Nam Định đã nhanh chóng triển khai lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý quy hoạch – kiến trúc để cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch chung, kêu gọi và thu hút đầu tư tham gia thực hiện các dự án. Sau 09 năm thực hiện Quy hoạch chung 2011, đã có nhiều yếu tố thay đổi, cả về cơ chế pháp lý về quy



Toàn cảnh Hội nghị

hoạch và phát triển đô thị, các định hướng mới của Trung ương và của tỉnh, các quy hoạch ngành và thực tiễn phát triển của thành phố Nam Định... dẫn đến cần phải xem xét, điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng năm 2011 cho phù hợp với bối cảnh mới, tạo điều kiện cho thành phố Nam Định phát triển nhanh hơn, mạnh mẽ hơn.

Theo đại diện đơn vị tư vấn lập Đồ án, mục tiêu của Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm phát triển thành phố Nam Định với những vị thế và xu hướng phát triển mới, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, khai thác có hiệu quả những tiềm năng phát triển của thành phố theo hướng bền vững; xây dựng thành phố Nam Định thành một đô thị văn minh, xanh, thân thiện môi trường, có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu.

Với vị trí nằm gần khu vực kinh tế tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và nhiều trung tâm kinh tế, công nghiệp, du lịch lớn khác, có kết nối giao thông thuận tiện, tập trung nhiều đầu mối giao thông quan trọng về đường sắt, đường bộ và đường thủy, Nam Định có nhiều điều kiện tham gia vào sự phân công, hợp tác để hòa nhập quá trình phát triển chung của vùng và cả nước. Bên cạnh việc xây dựng các định hướng phát triển của Nam Định dựa trên các thế mạnh tiềm năng về phát triển công nghiệp, thương mại -

dịch vụ du lịch, giáo dục đào tạo, Đồ án quy hoạch chung Nam Định cũng đề ra các chiến lược phát triển đô thị cho thành phố Nam Định, trở thành một thành phố hai bên sông, dễ tiếp cận, sẵn sàng ứng phó biến đổi khí hậu, thành phố lịch sử, thành phố thông minh, thành phố đi bộ, thành phố cải tạo chỉnh trang và thành phố sống tốt. Tầm nhìn đến năm 2050, Nam Định sẽ là thành phố thông minh, đáng sống của vùng đồng bằng sông Hồng, một đô thị có truyền thống lịch sử được bảo tồn, phát huy gắn với các không gian mới, hiện đại, tiện nghi hấp dẫn, thân thiện môi trường.

Theo Kiến trúc sư Vương Anh Dũng - chuyên gia phản biện của Đồ án, đây là một Đồ án được nghiên cứu nghiêm túc, công phu, số liệu, tài liệu phong phú, đảm bảo tuân thủ các quy trình thủ tục, các căn cứ pháp lý hiện hành về quy hoạch đô thị, phù hợp với Nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Để hoàn thiện thuyết minh Đồ án, KTS. Vương Anh Dũng đề nghị đơn vị tư vấn cần đánh giá hiện trạng một cách tổng thể trên phạm vi quy hoạch, gồm thành phố Nam Định và phần mở rộng, khu vực nông thôn, làng, xã, phân tích những bất cập để đưa ra các giải pháp xử lý trong tương lai; bổ sung các phân tích về tiềm năng phát triển, dự báo các chỉ tiêu kinh tế, luận chứng cho việc phân chia địa bàn quy hoạch thành 08 khu vực phát triển, lập luận thuyết phục các dự báo về dân số, khách du lịch, xây dựng bảng cơ cấu sử dụng đất để đảm bảo thực hiện được các chức năng của đô thị và các mục tiêu phát triển đề ra trong quy hoạch, bổ sung nghiên cứu về giới hạn chiều cao công trình điểm nhấn, quy hoạch không gian ngầm trong đô thị, đề xuất các dự án ưu tiên cùng với nguồn vốn và lộ trình thực hiện có tính động lực và khả thi cao...

TS. Trần Anh Tuấn - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng - chuyên gia phản biện về hạ tầng kỹ thuật đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu, bổ sung các đánh giá về mức

độ đáp ứng của các hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện nay của thành phố Nam Định đối với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bổ sung cao độ xây dựng, cập nhật vị trí các cơ sở xử lý nước thải, chất thải rắn vào bản đồ...

Tại cuộc họp, các thành viên Hội đồng thẩm định – đại diện các Bộ liên quan về cơ bản đồng tình với báo cáo thuyết minh Đồ án, đánh giá đơn vị tư vấn đã nghiêm túc tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp của các Bộ, và cập nhật vào thuyết minh Đồ án. Bên cạnh đó, các đại biểu cũng đóng góp thêm một số ý kiến.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nguyễn Tường Văn đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa Báo cáo thuyết minh Đồ án theo ý kiến đóng góp

của các chuyên gia phản biện và các thành viên của Hội đồng thẩm định. Trong đó, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn lưu ý đơn vị tư vấn, Sở Xây dựng Nam Định cần phối hợp, nghiên cứu kỹ các chỉ tiêu dự báo, rà soát việc sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn quy hoạch, bổ sung đánh giá việc thực hiện quy hoạch chung 2011, kết quả, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, bổ sung các luận cứ cho việc phân chia các khu vực phát triển, các chỉ tiêu dự báo về dân số, sử dụng đất..., sớm hoàn thiện hồ sơ để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Minh Tuấn

Nghiệm thu Dự thảo bộ Tiêu chuẩn TCVN “Hố thu nước cho tòa nhà”

Ngày 10/6/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã nghiệm thu Dự thảo bộ Tiêu chuẩn TCVN “Hố Thu nước cho tòa nhà” - Phần 1: Hố thu nước trên sàn có xi phong với nút nước sâu ít nhất 50mm; Phần 2: Hố thu nước trên sàn và trên mái không có xi phong; Phần 3: Đánh giá sự phù hợp; Phần 4: Nắp thu nước; Phần 5: Hố thu nước có tấm chắn chất lỏng nhẹ, với kết quả đạt loại Khá.

Đây là bộ Tiêu chuẩn do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Vật liệu xây dựng thực hiện. Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường Nguyễn Công Thịnh - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Bộ Tiêu chuẩn này được áp dụng nhằm phân loại hố thu nước sàn sử dụng bên trong tòa nhà, đưa ra hướng dẫn nơi lắp đặt và quy định những yêu cầu trong thiết kế, chế tạo, thử nghiệm và ghi nhãn hố thu nước sử dụng trong tòa nhà được chế tạo tại nhà máy, bằng bất kỳ vật liệu nào.

Hố thu nước trong hệ thống thoát nước yêu cầu phải có xi phong với độ sâu nút nước tối



Toàn cảnh cuộc họp

thiểu 50mm (các hố thu nước thoát sàn). Bộ Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với các kênh thoát nước thẳng theo quy định trong Tiêu chuẩn EN 1433; phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga được quy định trong Tiêu chuẩn EN 124.

Trình bày trước Hội đồng, thay mặt nhóm nghiên cứu, KS. Phạm Bằng Hải - Đồng Chủ nhiệm đề tài cho biết, bộ Tiêu chuẩn này được chuyển dịch tương đương từ Tiêu chuẩn BS EN 1253-1:2015. Trong quá trình biên dịch, đến nay, bản gốc 4 phần đầu vẫn đang được lưu hành,

chưa có bản mới thay thế. Tuy nhiên, phần 5 đã có bản cập nhật mới, song do bản cập nhật này xuất hiện sau khi đề tài đã hoàn thành và tổ chức nghiệm thu nên nhóm nghiên cứu chưa kịp cập nhật và xin ý kiến của Hội đồng.

Trước khi bỏ phiếu nghiệm thu đề tài, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã có những nhận xét, góp ý giúp nhóm nghiên cứu chỉnh sửa, nâng cao chất lượng Báo cáo. Vì là bộ Tiêu chuẩn được chuyển dịch tương đương từ Tiêu chuẩn nước

ngoài, nên vấn đề chuyển dịch sát nghĩa và sử dụng thống nhất các thuật ngữ khoa học chuyên ngành là nội dung được Hội đồng đặc biệt quan tâm, đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu. Bên cạnh đó, Hội đồng đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét, cập nhật phiên bản mới nhất của phần 5, đảm bảo độ hoàn thiện, chính xác và chất lượng nhất các sản phẩm thuộc đề tài.

Trần Đình Hà

Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nhà ở hiện trường của công nhân tại các công trình xây dựng

Ngày 10/6/2020, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng tư vấn đánh giá đã họp nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nhà ở hiện trường của công nhân tại các công trình xây dựng”, do Viện Kinh tế xây dựng thực hiện. ThS. Nguyễn Quang Minh - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, chủ trì cuộc họp.

Nói về tính cấp thiết của đề tài, chủ nhiệm đề tài – ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan cho biết, chất lượng nhà ở hiện trường của công nhân tại các công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là nhà tạm hiện trường) được nhiều quốc gia trên thế giới rất quan tâm nhằm đảm bảo sức khỏe, tinh thần, chất lượng cuộc sống người lao động, góp phần tái tạo sức lao động, nâng cao năng suất và an toàn lao động. Để đảm bảo chất lượng nhà tạm hiện trường, một số nước (Mỹ, Úc, Malaysia, Newzealand...) ban hành đạo luật, tiêu chuẩn, quy định, suất chi phí về xây dựng nhà tạm hiện trường. Tại Việt Nam, việc đảm bảo quyền lợi của người lao động cho công nhân ngành xây dựng đã được quy định tại Luật an toàn, vệ sinh lao động 2015, Luật Xây dựng 2014, các văn bản hướng dẫn luật và một số



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu

tiêu chuẩn liên quan đến biện pháp an toàn lao động và đảm bảo vệ sinh nơi làm việc. Tuy nhiên, việc quy định pháp luật còn thiếu chặt chẽ, suất chi phí xây dựng nhà tạm hiện trường còn chưa phù hợp, dẫn đến việc thực hiện trong thực tế của các nhà thầu xây dựng còn tùy tiện, chất lượng công trình tạm không đảm bảo, nhếch nhác, tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, năng suất lao động thấp.

Trong bối cảnh đó, đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan về nhà tạm hiện trường nói chung, nhưng chưa có nghiên cứu mang tính hệ thống về chế tài quản lý, yêu cầu

kỹ thuật, hạn mức chi phí nhà tạm hiện trường nhằm đảm bảo điều kiện sinh hoạt, sức khỏe, an toàn cho người công nhân xây dựng. Vì vậy, việc lựa chọn đề tài “Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nhà ở hiện trường của công nhân tại các công trình xây dựng” để giải quyết mục tiêu nói trên có giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn, tính thời sự trong giai đoạn hiện nay.

Báo cáo kết quả thực hiện đề tài cho thấy đề tài nghiên cứu đã đạt được các kết quả chủ yếu sau đây: Hệ thống được cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, kinh nghiệm quốc tế liên quan đến nhà tạm hiện trường; Làm rõ được thực trạng về chất lượng và chi phí xây dựng nhà tạm hiện trường tại Việt Nam thông qua lấy ý kiến bằng phiếu khảo sát từ 187 cá nhân có kinh nghiệm và 14 nhà thầu, phân tích số liệu từ 44 dự án đầu tư xây dựng với các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn và 223 gói thầu. Đánh giá được theo các tiêu chí và đã chỉ ra các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chất lượng nhà tạm hiện trường chưa đảm bảo yêu cầu, bao gồm: chưa ban hành tiêu chuẩn hoặc quy định liên quan tới chất lượng nhà tạm hiện trường, quy định trong hợp đồng về thanh quyết toán chi phí nhà tạm hiện trường chủ yếu theo hình thức khoán gọn, quy định tỷ lệ chi phí nhà tạm hiện trường chưa tính toán dựa trên quy mô dự án, chưa có quy định trách nhiệm các bên liên quan về đảm bảo chất lượng chỗ ở cho công nhân. Qua đó nhóm tác giả thực hiện đề tài đã đề xuất 04 nhóm giải pháp để nâng cao chất lượng nhà tạm hiện trường, bao gồm: ban hành tiêu chuẩn xây dựng nhà tạm hiện trường; xây dựng khu nhà ở xã hội dành riêng cho công nhân xây dựng tại các TP lớn như Hà Nội và TP Hồ Chí Minh; hoàn thiện phương pháp xác định và quản lý chi phí nhà tạm hiện trường; quy định trách nhiệm của các bên liên quan về đảm bảo chất lượng chỗ ở cho công nhân.

Trong nhóm các giải pháp để nâng cao chất

lượng nhà tạm hiện trường, đáng chú ý nhóm tác giả đã đề xuất kiến nghị cụ thể về giải pháp về quản lý nhà tạm cho công nhân để sửa đổi các quy định có liên quan trong thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2018/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Theo đó, hoàn thiện phương pháp xác định và quản lý chi phí nhà tạm là cơ sở để tính đúng, tính đủ chi phí và quản lý để chi phí này được sử dụng đúng mục đích.

Chi phí nhà tạm là chi phí phải có trong quá trình đầu tư xây dựng công trình. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chi phí nhà tạm theo định mức tỷ lệ như hiện hành có ưu điểm là nhanh trong tất cả các khâu và phù hợp với một số gói thầu nhất định. Nhà tư vấn không mất thời gian thiết kế, lập dự toán, người thẩm tra, thẩm định cũng không mất thời gian soát xét hồ sơ, việc này khá phù hợp ở giai đoạn xác định tổng mức đầu tư khi yêu cầu độ chính xác chưa cao, tuy nhiên, đến những giai đoạn thiết kế sau cần có độ chính xác cao hơn thì việc xác định như vậy không phù hợp. Qua khảo sát kinh nghiệm của Malaysia, Mỹ, Úc cho thấy tất cả các chi phí của họ đều bằng phương pháp khối lượng – đơn giá mà không dùng định mức tỷ lệ phần trăm, ngoại trừ Nhật Bản có để một tỷ lệ phần trăm nhưng là con số dao động trong một khoảng chứ không cố định. Chuyên gia định giá xây dựng tại Mỹ còn khẳng định: dùng tỷ lệ phần trăm không thể phù hợp với sự đa dạng của các loại công trình, gói thầu, địa điểm xây dựng được nên tại Mỹ không dùng tỷ lệ phần trăm. Từ kết quả nghiên cứu thực trạng về chất lượng nhà tạm tại hiện trường của công nhân xây dựng công trình, nhóm tác giả thực hiện đề tài đã đưa ra việc hoàn thiện công tác xác định và quản lý chi phí nhà tạm như sau: 1) Ở giai đoạn lập tổng mức đầu tư và thiết kế kỹ thuật, nếu tổng mức đầu tư hoặc dự toán giai đoạn thiết kế kỹ thuật được tính theo phương pháp khối lượng xác định theo thiết kế và đơn giá thì chi phí nhà tạm xác định theo tỷ lệ phần trăm. 2) Để tránh lạm dụng cơ chế khoán chi phí có thể dẫn tới

thừa ở dự án lớn nhưng thiếu ở dự án nhỏ, với những dự án lớn nên lập dự toán và có thiết kế kèm theo làm cơ sở thẩm định, phê duyệt và kiểm soát. Việc tính theo định mức tỷ lệ như vậy chỉ thích hợp ở giai đoạn lập sơ bộ tổng mức đầu tư và tổng mức đầu tư, ở những bước sau nên có cách kiểm soát khác nhau đối với dự án lớn hay nhỏ. Đối với các dự án có chi phí nhà tạm tính theo tỷ lệ lớn hơn một con số nhất định (ví dụ là 10 tỷ đồng, tương ứng với việc tạo lập chỗ ở cho khoảng 1.500 công nhân) thì ở bước thiết kế bản vẽ thi công tư vấn thiết kế phải có báo cáo phương án tạo lập chỗ ở cho cán bộ, công nhân, chi phí lập bằng phương pháp dự toán. Dự toán này được thẩm định và phê duyệt như với dự toán công trình chính. 3). Quy định rõ hơn nội dung chi phí nhà tạm bao gồm cả các chi phí để: tổ chức, bố trí văn phòng làm việc của nhà thầu tại hiện trường, chỗ ở, điện, nước sinh hoạt cho cán bộ, công nhân của nhà

thầu trong suốt quá trình thi công xây dựng, chi phí di chuyển (nếu có) và phá dỡ, đổ phế thải khi công trình chính thi công xong theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Nhận xét về kết quả nghiên cứu thực hiện đề tài, hai ủy viên phản biện là ThS. Hoàng Anh Tuấn - Phó Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng (Bộ Xây dựng) và ThS. Nguyễn Văn Hoan - Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam cùng các thành viên Hội đồng đánh giá đề tài có cách tiếp cận và giải quyết vấn đề logic, khoa học và đã đạt được kết quả theo mục tiêu đã đặt ra. Kết quả nghiên cứu của đề tài có độ tin cậy cao, cơ quan quản lý nhà nước có thể tham khảo để hoàn thiện các quy định pháp luật đối với nội dung liên quan trong thời gian tới.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu, đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiệm thu Đề tài “Bảo tồn thích ứng di sản làng xã truyền thống trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới”

Ngày 11/6/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu Đề tài “Bảo tồn thích ứng di sản làng xã truyền thống trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới”.

Đề tài do nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Xây dựng thực hiện. Ông Hồ Chí Quang, Phó Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Báo cáo kết quả thực hiện đề tài trước Hội đồng, PGS.TS. Phạm Hùng Cường - Chủ nhiệm đề tài cho biết, làng xã truyền thống vùng Đồng bằng Sông Hồng có lịch sử phát triển lâu đời, chứa đựng nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể tiêu biểu cho văn hóa của dân tộc. Thời gian qua nhiều di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể tại các làng xã

đã được bảo tồn, nhiều văn bản luật và các quy định của nhà nước và địa phương đã góp phần tích cực trong công tác bảo tồn.

Tuy nhiên trong thực tế, còn nhiều các loại hình công trình, hạng mục của làng chưa được bảo tồn tốt, nhất là các công trình chưa được xếp hạng di tích như cấu trúc truyền thống, các đình, chùa, miếu, giếng, quán, cầu và các cảnh quan đặc trưng của làng. Dưới tác động của nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, nguy cơ mất mát các giá trị truyền thống là hiện hữu.

Hiện nay, công tác quy hoạch nông thôn mới đã và đang được triển khai ở nhiều địa phương, làng xã. Thực tế đã cho thấy công tác quy hoạch không chỉ góp phần hoàn thành các

tiêu chí về nông thôn mới mà còn có thể đóng góp tốt cho công tác bảo tồn các giá trị di sản văn hóa làng truyền thống. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện quy hoạch, các văn bản quy định của công tác quy hoạch cũng chưa phát huy được hết thế mạnh này, vì vậy rất cần được nghiên cứu để hoàn thiện các văn bản, đề xuất các giải pháp để công tác quy hoạch đóng góp tốt hơn cho việc bảo tồn các giá trị văn hóa di sản làng xã vùng Đồng bằng Sông Hồng.

PGS.TS. Phạm Hùng Cường nhận định, công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới hiện nay có nhiều khả năng để tham gia tích cực vào hoạt động bảo tồn. Vì vậy cần nghiên cứu, bảo tồn di sản làng xã truyền thống trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới, nhằm tăng cường vai trò công tác quy hoạch đối với nhiệm vụ bảo tồn các giá trị di sản làng xã vùng Đồng bằng Sông Hồng nói riêng, toàn quốc nói chung.

Mục tiêu của đề tài nhằm đánh giá giá trị của các di sản, vai trò của các di sản trong đời sống đương đại, khả năng tồn tại và thích ứng, cơ bản đánh giá về khía cạnh giá trị văn hóa vật thể, có phân tích lồng ghép với các giá trị văn hóa phi vật thể có liên quan; lập cơ sở lý luận để thực hiện bảo tồn thích ứng các di sản (cả các công trình là di tích và chưa được công nhận là di tích lịch sử văn hóa); nêu rõ sự cần thiết phải vận dụng phương pháp bảo tồn thích ứng trong việc bảo tồn các di sản truyền thống trong làng xã; đề xuất các nguyên tắc và giải pháp để bảo tồn các di sản làng xã truyền thống theo hướng bảo tồn thích ứng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản có sự tham gia của cộng đồng, tập trung vào các giải pháp có thể thực hiện trong công tác quy hoạch xây dựng; đề xuất các nguyên tắc, giải pháp bảo tồn di sản làng xã trong quá trình quy hoạch nông thôn mới; đề xuất đóng góp đổi mới chính sách, các văn bản quy định quản lý trong quy hoạch xây dựng nhằm tăng cường vai



*Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu Hồ Chí Quang
kết luận cuộc họp
trò bảo tồn các di sản.*

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 10 làng xã truyền thống tiêu biểu tại vùng Đồng Bằng Sông Hồng để hệ thống hóa các di sản làng xã truyền thống hiện nay, gồm: Làng Ước Lễ (huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội); làng Cựu (huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội); làng Hương Ngải (huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội); làng Nôm (huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên); làng Hành Thiện (huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định); làng Keo (huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình); làng Nha Xá (huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam); Làng Thích Chung (huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc); Làng Diêm (huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh), làng Cổ Am (huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng).

Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu tập trung hệ thống hóa và đánh giá các giá trị di sản làng xã truyền thống; xây dựng cơ sở lý luận chung cho công tác bảo tồn, bảo tồn thích ứng di sản có sự tham gia của cộng đồng; thực trạng chính sách, pháp luật và quy hoạch nông thôn tác động đến công tác bảo tồn di sản làng xã truyền thống hiện nay.

Các tiêu chí đánh giá giá trị di sản được đề tài áp dụng là: Nhóm tiêu chí thứ nhất: Giá trị tự thân của công trình, khu vực di sản, gồm: Giá trị kiến trúc, nghệ thuật; giá trị lịch sử, giá trị chức năng; giá trị cảnh quan; giá trị môi trường

sinh thái; giá trị phương thức xây dựng truyền thống, tri thức bản địa; giá trị văn hóa phi vật thể của công trình; Nhóm tiêu chí thứ hai gồm: Giá trị kế thừa, bổ sung trong bối cảnh đương đại, như: Giá trị chức năng đương đại; giá trị cảnh quan mới; giá trị văn hóa mới, dấu ấn nơi chốn, bản sắc, tính biểu tượng; giá trị môi trường sinh thái mới.

Qua quá trình khảo sát đồng thời áp dụng các tiêu chí đánh giá, nhóm nghiên cứu nhận thấy: Các kiến trúc công trình như: Đình, chùa, miếu nhìn chung được khoanh chức năng, vùng bảo tồn và từng bước được bảo tồn, tôn tạo hiệu quả; Các di sản khác như: cổng làng, ao làng, giếng làng, điểm, quán làng, cầu, cây xanh mặt nước chưa có sự bảo tồn đúng mức do việc nhận diện giá trị di sản chưa đầy đủ, tốc độ mai một gia tăng; di sản cấu trúc tổng thể, sinh thái, sinh thái nhân văn chưa được đánh giá và bảo tồn hợp lý, môi trường sinh thái giảm sút; một số xu hướng bảo tồn phục dựng chưa có sự nghiên cứu, chưa phát huy được giá trị di tích trong đời sống đương đại; các giá trị mới như nơi chốn, cảnh quan, sinh thái, chức năng... chưa được lồng ghép vào các giá trị tự thân của di sản trong quá trình bảo tồn.

Để giải quyết hiệu quả các vấn đề nêu trên, đề tài đề xuất phương pháp “Bảo tồn thích ứng” các di sản làng xã truyền thống. Theo PGS.TS. Phạm Hùng Cường, “Bảo tồn thích ứng” là phương pháp bảo tồn chuyển tiếp giá trị cũ và bổ sung các giá trị mới một cách phù hợp, đảm bảo di sản tồn tại hài hòa với cộng đồng, với xã hội đương đại. Phương pháp này sẽ giúp nhận diện đầy đủ giá trị gốc, quá trình phát triển và đương đại cũng như chú trọng sự tham gia của cộng đồng và xã hội vào công tác bảo tồn. Bên cạnh đó, giải pháp này chú trọng yếu tố tích hợp để giải quyết xung đột; phối hợp các Luật, quy định liên quan đến di sản, quy hoạch, xây dựng.

Có thể nói, “Bảo tồn thích ứng” là phương pháp phù hợp với mục tiêu bảo tồn các di sản “sống”, giảm sự xung đột giữa bảo tồn và phát triển.

Với phương pháp “Bảo tồn thích ứng”, PGS.TS. Phạm Hùng Cường đưa ra nguyên tắc quy hoạch gắn với bảo tồn như sau: Quy hoạch phải bảo tồn được cấu trúc làng truyền thống theo các mức độ khác nhau, kế thừa, chuyển tiếp đặc trưng giá trị trong bối cảnh kinh tế xã hội hiện nay; quy hoạch bảo tồn được vị trí, ranh giới đất của di tích và công trình kiến trúc truyền thống (gồm tất cả các công trình như: Đình, chùa, miếu, giếng, cổng, quán làng...); quy hoạch xây dựng không bảo tồn trực tiếp công trình mà thông qua quản lý kiến trúc cảnh quan công trình và khu vực lân cận; xác định đặc trưng cảnh quan văn hóa làng để tôn tạo và tái hiện, áp dụng cho quy hoạch khu dân cư mới; quy hoạch thực hiện bảo tồn thích ứng, phù hợp với di sản “sống”, bổ sung, chuyển tiếp giá trị, di sản có ý nghĩa trong cuộc sống đương đại; thiết lập các mô hình làng du lịch để góp phần bảo tồn; quy hoạch xây dựng tạo lập các không gian cho hoạt động văn hóa phi vật thể; quy hoạch xây dựng vào bảo tồn có tham vấn ý kiến cộng đồng.

Nhằm nâng cao chất lượng Báo cáo tổng kết đề tài, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã có những ý kiến góp ý, giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Báo cáo. Hội đồng đánh giá cao nỗ lực của nhóm nghiên cứu trong việc thu thập tài liệu trong nước và quốc tế có liên quan và tổng hợp số liệu khảo sát thực tế các làng truyền thống làm cơ sở thực hiện đề tài. Tuy nhiên, nếu nhóm nghiên cứu khảo sát bổ sung một số làng xã truyền thống đặc trưng cho các vùng miền trên toàn quốc thì kết quả đề tài sẽ tăng tính thuyết phục hơn nữa.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Hồ

Chí Quang nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện đề tài, đồng thời đánh giá cao ý thức trách nhiệm, sự tâm huyết của nhóm nghiên cứu trường Đại học Xây dựng trong quá trình thực hiện đề tài. Các sản phẩm đề tài đầy đủ theo Hợp đồng đã ký, bố cục Báo cáo tổng kết chặt chẽ, logic và đảm bảo chất lượng. Ông Hồ Chí Quang đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu và cập nhật đầy đủ ý kiến góp ý của các thành

viên Hội đồng, hoàn thiện Báo cáo tổng kết đề tài để trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã bỏ phiếu nghiệm thu Đề tài “Bảo tồn thích ứng di sản làng xã truyền thống trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới”, với kết quả đạt loại Xuất sắc.

Trần Đình Hà

Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý phát triển kiến trúc tại các đô thị Việt Nam

Ngày 12/6/2020, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng tư vấn đánh giá đã họp nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý phát triển kiến trúc tại các đô thị Việt Nam”, do Viện Kiến trúc Quốc gia thực hiện. PGS.TS. Vũ Ngọc Anh - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, chủ trì cuộc họp.

Tại Hội đồng, đại diện nhóm nghiên cứu thuộc Viện Kiến trúc Quốc gia cho biết, định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 112/2002/QĐ-TTg ngày 03/9/2002 là cơ sở về phát triển kiến trúc đô thị tại các thành phố trên cả nước. Công tác quy hoạch xây dựng đô thị được tập trung thực hiện trong thời gian qua là tiền đề cho công tác quản lý và phát triển kiến trúc. Nhu cầu, yêu cầu quản lý hiệu quả về kiến trúc, kiến trúc đô thị (quản lý phát triển kiến trúc) là một thực tế, nhất là trong bối cảnh đô thị hóa mạnh mẽ tại các đô thị lớn đang tạo hiệu ứng thúc đẩy đô thị hóa nhanh lan tỏa diện rộng trên cả nước. Thời gian qua, Bộ Xây dựng đã chủ trì xây dựng nội dung, tham mưu Chính phủ trình và được Quốc hội thông



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu

qua Luật Kiến trúc (ngày 13/6/2019) chính là nhằm hướng tới mục tiêu này. Đây cũng chính là lý do và sự cần thiết thực hiện nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý phát triển kiến trúc tại các đô thị Việt Nam”.

Báo cáo thuyết minh kết quả nghiên cứu của đề tài dày 170 trang, bao gồm 3 chương. Chương 1: Tổng quan về quản lý và phát triển kiến trúc đô thị; Chương 2: Cơ sở khoa học về quản lý, phát triển kiến trúc đô thị; Chương 3: Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý phát triển kiến trúc tại các đô thị Việt Nam.

Tại Hội đồng, các chuyên gia và hai ủy viên phản biện là PGS.TS.KTS Hoàng Vĩnh Hưng - Trưởng phòng nghiên cứu PTĐT, Cục Phát

triển đô thị (Bộ Xây dựng) và ThS. Vũ Anh Tú - Phó Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc (Bộ Xây dựng) đánh giá đề tài được thực hiện nghiêm túc, công phu. Báo cáo thuyết minh Đề tài được trình bày theo trình tự, logic khoa học từ tổng kết thực trạng phát triển kiến trúc tại Việt Nam, công tác quản lý về phát triển kiến trúc, tham chiếu kinh nghiệm của các nước trong công tác quản lý kiến trúc, xác lập cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp quản lý phát triển kiến trúc. Nội dung báo cáo kết quả đề tài cũng đặt ra những kiến nghị về điều chỉnh Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2020 (là tài liệu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành theo Quyết định số 112/2002/QĐ-TTg ngày 03/9/2002).

Bên cạnh đó, các chuyên gia trong Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến cụ thể với nhóm thực hiện nhiệm vụ để hoàn thiện đề tài. Thuyết minh của nhiệm vụ đã được thực hiện tương đối công phu với nhiều thông tin tổng quan ở cả trong và ngoài nước. Tuy nhiên, việc phân tích các cơ sở khoa học về quản lý phát triển kiến trúc đô thị chưa đầy đủ. Các giải pháp quản lý phát triển kiến trúc đô thị còn lan man chưa tập trung vào mục tiêu và đối tượng nghiên cứu; vì thế, chưa trả lời được các đòi hỏi của thực tiễn công tác quản lý phát triển kiến trúc đô thị. Theo đó, đề nghị bổ sung mục tiêu của nhiệm vụ là “Hình thành bộ tài liệu tham khảo về thực trạng phát triển và công tác quản lý phát triển kiến trúc tại một số đô thị Việt Nam”. Cần giải thích rõ hơn về “phát triển kiến trúc” và “quản lý phát triển kiến trúc” là như thế nào. Việc phân chia các giai đoạn phát triển kiến trúc cần được trình bày thêm về bối cảnh kinh tế - xã hội từng giai đoạn để thấy rõ mối quan hệ, tác động của kinh tế - xã hội đến phát triển kiến trúc đô thị và ngược lại. Đồng thời, cần phân tích rõ các chính sách của Việt Nam (hệ thống pháp luật) về

quản lý và phát triển kiến trúc từng thời kỳ. Đề tài đưa ra 6 nhóm giải pháp chủ yếu theo tính chất, thể loại công trình là hợp lý nhưng cần tập trung vào các nội dung cần quản lý về phát triển kiến trúc. Bên cạnh những chính sách, cần đề xuất hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và đặc biệt là đề xuất về những công cụ và phương pháp để các bên liên quan thực hiện và cấp, người có thẩm quyền có đủ căn cứ khoa học, thực tiễn đưa ra quyết định. Nên làm rõ và bổ sung các khái niệm: Quản lý phát triển kiến trúc; Quản lý nhà nước về kiến trúc; Quản lý kiến trúc. Phần Tổng quan về đặc điểm kiến trúc Việt Nam qua các thời kỳ chưa được phân chia giai đoạn một cách phù hợp. Chưa nêu được đặc điểm, đặc trưng của từng giai đoạn về nghệ thuật, khoa học kỹ thuật. Trong đó, phần Tổng quan về Đặc điểm kiến trúc Việt Nam trước năm 1945 còn sơ sài, chung chung mà không tổng quan trên cơ sở các quan điểm mỹ học, đặc điểm kỹ thuật; thiếu thông tin về kiến trúc cổ Việt Nam. Chưa làm rõ được nét đặc sắc của kiến trúc Đông Dương thời kỳ 1900 – 1945 đó là sự kết hợp khéo léo giữa quan điểm mỹ học và kỹ thuật xây dựng phương Tây với quan điểm mỹ học và kinh nghiệm xây dựng bản địa. Phần tổng quan về các xu hướng kiến trúc trên thế giới cần được sắp xếp lại theo trình tự thời gian để có thể làm khuôn mẫu khi đối chiếu với kiến trúc của Việt Nam. Việc đặt tên cho các xu hướng kiến trúc cần trích dẫn nguồn, tránh nhận định tùy tiện. Phần đánh giá thực trạng phát triển kiến trúc tại các đô thị Việt Nam còn sơ sài, chung chung, nhất là nội dung về kiến trúc công trình công cộng đô thị. Các vấn đề tồn tại trong phát triển nhà ở đô thị không liên quan nhiều đến kiến trúc nhà ở. Phần thực trạng quản lý nhà nước về phát triển kiến trúc đô thị ở Hà Nội, Hải Phòng, Hòa Bình, Thái Nguyên, thành phố Hồ

Chí Minh, Cần Thơ nên được xem xét theo các nội hàm của công tác quản lý kiến trúc.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, PGS.TS.Vũ Ngọc Anh đánh giá cao kết quả nghiên cứu của đề tài với sự thực hiện công phu, nội dung số liệu thu thập

phong phú, tổng hợp khoa học.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu, đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

Những xu hướng phát triển các phương pháp thiết kế kỹ thuật số trong kiến trúc hiện đại

Các phương pháp số khởi nguồn từ nửa sau thế kỷ XX vào thời điểm ra đời cuộc cách mạng kỹ thuật số, gắn liền với sự phát triển không ngừng của những phát minh công nghệ, và dần đi sâu vào mọi mặt, mọi khía cạnh của đời sống. Lịch sử hiện đại in đậm dấu của một xu thế nổi bật: các phương pháp số tham gia vào hầu hết các quy trình thiết kế kiến trúc. Nghiên cứu khái niệm, thiết kế và xây dựng những công trình kiến trúc hiện đại đã trở nên bất khả thi nếu không ứng dụng một số phương pháp máy tính và công cụ nhất định. Bài viết sẽ phân tích và hệ thống hóa các xu hướng phát triển cơ bản của những giải pháp số, các công cụ và các ví dụ đã được thực hiện trong kiến trúc hiện đại.

Kiến trúc số đồng thời liên quan với bốn ngành khoa học cơ bản - kiến trúc, lập trình, sinh học và xã hội học. Kiến trúc đưa ra khái niệm về tổ chức không gian từ góc độ các thủ pháp bố cục. Lập trình đảm nhận phần kỹ thuật của vấn đề khi đặt ra mục tiêu nhanh chóng tính toán và đưa ra các phương án khác nhau. Đó trước hết là công cụ thử nghiệm, trong đó các kiến trúc sư đưa ra những tham số và thông tin. Kiến thức sinh học giúp kiến trúc đạt được các thông số chính xác về độ bền vững, vẻ đẹp và lợi ích - dựa trên các quy luật tự nhiên và sinh học - và cuối cùng sẽ làm cho kiến trúc trở nên bền vững sinh thái hơn. Xã hội học nhấn mạnh con người là chủ thể sử dụng kiến trúc, chính vì thế cần phải nắm rõ công trình xây

dựng cho ai, nhận diện yêu cầu và nhu cầu của đại diện các nhóm xã hội khác nhau.

Các cuộc cách mạng số sinh ra hình thức tương tác và hành vi xã hội mới. Thế kỷ XXI được đặc trưng bởi chiến lược phát triển “Xã hội 5.0” hay một xã hội thông tin - mạng, với tiền thân là xã hội hậu công nghiệp 4.0.

Nếu so sánh các hình thức xã hội, thì “Xã hội 4.0” có thể tương ứng với những thành tựu tiến bộ khoa học- công nghệ như: Phát minh ra máy tính, khởi đầu quá trình tin học hóa, tối ưu hóa cá nhân thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề cá nhân, nâng cao hiệu quả của từng ngành. Còn xã hội 5.0 là xã hội mới nhất, phản ánh sự xuất hiện của internet kết nối vạn vật và trí tuệ nhân tạo, tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ sinh học thông qua khởi đầu quá trình tin học hóa, tối ưu hóa xã hội thông qua việc tích hợp không gian mạng và không gian vật lý, sử dụng các tài nguyên mới (các dữ liệu), giải pháp cho các vấn đề xã hội phức tạp và bảo đảm phúc lợi xã hội.

Theo nhà xã hội học Tây Ban Nha Manuel Castells: xã hội mạng là một xã hội trong đó các cấu trúc xã hội quan trọng và hoạt động của các thành viên được tổ chức xung quanh hệ thống thông tin liên lạc điện tử.

Nhu cầu của đại diện cho một xã hội hiện đại luôn thay đổi, là nguyên nhân phát sinh nhiều vấn đề - chức năng của các công trình

xây dựng liên tục thay đổi, nhu cầu về những không gian đa năng tăng lên; xu hướng gia tăng dân số không ngừng là nguyên nhân phát sinh vấn đề cần nhiều diện tích xây dựng nhà ở mới. Xã hội học đặt ra nhiệm vụ mới cho các kiến trúc sư – bảo đảm các tòa nhà hiện đại có những đặc tính và công năng cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của xã hội hiện đại. Từ đó có thể thấy, nhiệm vụ thỏa mãn tất cả các yêu cầu của xã hội hiện đại là không khả thi nếu không ứng dụng các công nghệ thông tin hiện đại.

Sự kết hợp của bốn ngành khoa học tạo những khả năng mới để xây dựng các công trình siêu hiện đại và tiện nghi. Có thể nói rằng, các công nghệ phát triển không ngừng, việc nghiên cứu kiến trúc bền vững sinh thái, sự xuất hiện của xã hội thông tin mới, và sự xuất hiện của cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư (đặc trưng bởi việc ứng dụng đại trà các hệ thống không gian mạng trong sản xuất, ứng dụng trí tuệ nhân tạo) là những tiền đề cơ bản để phát triển các phương pháp số.

Có thể chia thành 03 xu hướng cơ bản của các phương pháp số: tham số, thuật toán và mô hình sinh mẫu.

1. Phương pháp thiết kế tham số xuất phát từ thực tế là hình thức phản ứng với các điều kiện bên ngoài và bên trong, và các quá trình cũng thay đổi để thích ứng với chúng. Công cụ chính của phương pháp này là việc phân tích môi trường và các thuật toán tạo nên hình dạng theo nguyên tắc “điểm - tuyến - bề mặt”. Hý trường cổ đại tại Pamukkale (tây nam Thổ Nhĩ Kỳ) là ví dụ cho một công trình kiến trúc thích ứng dạng tĩnh: nằm trong vùng trũng tự nhiên về địa hình, âm học lý tưởng và đảm bảo một số lượng khách cần thiết. (Hình 1)

Trong thiết kế tham số, cần phân biệt rõ những công trình dạng thích ứng động. Một ví dụ là các mặt dựng của tòa nhà Al Bahr ở Abu Dhabi (UAE), có thể phản xạ với chuyển động của mặt trời nhằm ngăn ngừa bảo vệ công trình quá nhiệt. (Hình 2)

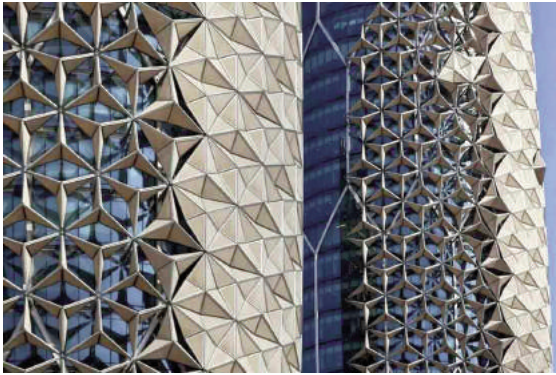


Hý trường cổ đại Pamukkale - ví dụ cho lối kiến trúc thích ứng tĩnh

2. Phương pháp thuật toán (giả tham số). Các thuật toán là công cụ của phương pháp này, ngôn ngữ lập trình trực quan Grasshopper thường được sử dụng trong môi trường phần mềm Rhinoceros. Phương pháp này được sử dụng để xây dựng các hình dạng trong môi trường máy tính. Có các thành phần riêng biệt (thư viện tập lệnh) cho một số nhiệm vụ nhất định, chẳng hạn như phát triển các mẫu mặt dựng (Lunchbox), biến hình để tạo hình dáng mới.

Như vậy, phương pháp thuật toán là tìm kiếm một hình thức từ tập hợp các điểm (khởi đầu) đến một khối cứng (solid). Điều quan trọng là mỗi tham số của quá trình có thể thay đổi ở bất kỳ giai đoạn nào và ở thời gian thực, điều này khiến công việc trở nên linh hoạt và bảo đảm độ biến thiên lớn. Một ví dụ là gian triển lãm Serpentine của Tập đoàn Bjarke Ingels. Công trình kiến trúc này là kết quả việc tìm kiếm hình dạng thông qua tạo hình bằng thuật toán. (Hình 3)

3. Mô hình sinh mẫu là phương pháp máy học (learning machine) mô phỏng cách thức tiến hóa tự nhiên. Trong phương pháp thiết kế này, các kiến trúc sư và kỹ sư nhập các thông số tạo hình (vật liệu, kích thước, trọng lượng, cường độ, phương pháp sản xuất và hạn chế chi phí) vào phần mềm, sau đó chương trình nghiên cứu tất cả các kết hợp và giải pháp khả thi, nhanh chóng đưa ra hàng trăm, thậm chí



Các mặt dựng của Al Bahr towers tại Abu Dhabi - ví dụ cho lối kiến trúc thích ứng động

hàng ngàn phương án. Sau đó, các kiến trúc sư có thể lọc và chọn ra phương án đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của nhiệm vụ kỹ thuật.

Công cụ của mô hình sinh mẫu có thể là các thuật toán thông thường cũng như trí tuệ nhân tạo (mạng neutron), ngoài ra, nguyên tắc cơ bản để giải quyết các nhiệm vụ kiến trúc thường dựa vào việc phân tích một số quy trình tự nhiên và ứng dụng các quy trình này vào thiết kế và tạo hình (biomimetic).

Các phương pháp generative model (mô hình có khả năng sinh dữ liệu) có thể chia ra thành: tối ưu hóa tô pô (TO), thuật toán phát sinh, mô phỏng, hệ thống tác nhân.

3.1. Tối ưu hóa tô pô là việc phân tích và điều chỉnh hình học theo các đặc tính cường độ cơ bản của kết cấu; biến dạng, ảnh hưởng của tải trọng tĩnh và tải trọng động, tiêu chuẩn, lực ngang, mô men. Chương trình xác định các phần kết cấu có liên quan nhiều nhất trong công việc, loại bỏ các phần không liên quan đến công việc, tức là tối ưu hóa hình dạng, không chỉ đáp ứng các yêu cầu về độ bền mà cả các yêu cầu kinh tế.

3.2. Các thuật toán phát sinh gắn với việc tìm kiếm giải pháp cho các nhiệm vụ hoặc tối ưu hóa dựa trên những tham số nhất định, trên cơ sở lựa chọn tự nhiên trong thiên nhiên. Một ví dụ là nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc Đại học Lincoln - họ đã ứng dụng thuật toán phát sinh để xây dựng tổ hợp nhà ở đa năng.



Gian triển lãm Serpentine Toronto – ví dụ về ứng dụng phương pháp tạo hình bằng thuật toán để tìm kiếm hình dạng cho công trình kiến trúc.

Nhiệm vụ cơ bản là tạo hình dạng của tòa nhà, bên trong đó có số lượng tối đa các căn hộ hướng ra đường bờ biển, nhờ đó giá trị mỗi mét vuông sẽ tăng lên.

Chương trình đưa ra vô số phương án về hình dáng và bố cục, và giải pháp cuối cùng trong hình thức cuối cùng của công trình được chọn dựa vào các yêu cầu thẩm mỹ và kinh tế.

3.3. Mô phỏng máy tính trong phạm vi tạo hình kiến trúc giúp hiểu và dự đoán các đặc tính khác nhau của công trình, kiểm tra hình dáng để đảm bảo độ bền vững, chiếu nắng, âm học của công trình. Ngoài ra, một số văn phòng kiến trúc áp dụng mô phỏng trong quá trình tìm kiếm hình dạng. Chính sự mô phỏng các cồn cát và chuyển động của gió theo các cồn cát đã truyền cảm hứng cho các tác giả của dự án Sharjah UAE (Zaha Hadid Architects) (Hình 4)

Ví dụ ứng dụng mô phỏng cho quá trình tạo hình là gian triển lãm Fab Lab House 2010 tại Barcelona (Tây Ban Nha). Các tác giả tìm kiếm một hình thức hiệu quả cho tòa nhà, cho phép các tấm pin mặt trời nhận năng lượng tối đa, trong khi giảm thiểu thất thoát nhiệt cho chính công trình. Để thực hiện công việc tìm kiếm hình dáng, nhóm kiến trúc sư đã sử dụng các kiểu phân tích độ phơi nắng khác nhau (Shadow Studies, Annual, Average Annual, Daily Radiation Analysis). Dựa vào kết quả phân tích, tất cả các giải pháp quan trọng được



Dự án Sharjah tại UAE của văn phòng kiến trúc Zaha Hadid lấy cảm hứng từ gió và những cơn cát trên sa mạc

thông qua ở giai đoạn thiết kế. Ngôi nhà tạo một bóng râm cho chính nó, không cần điều hòa không khí, và nhờ các tấm pin mặt trời tạo ra nhiều năng lượng hơn so với nhu cầu năng lượng để vận hành. (Hình 5)

3.4. Các hệ thống tác nhân được hình thành bởi tác động của một lượng lớn các tác nhân có thể tự tổ chức, giải quyết các nhiệm vụ khác nhau dựa vào các tham số và các quá trình tự nhiên. Một ví dụ nổi bật về ứng dụng các hệ thống tác nhân là dự án Tháp Cảng của kiến trúc sư Satoru Sugihara, được nghiên cứu bằng các thuật toán. Ở đây, trí tuệ nhân tạo được áp dụng để tạo những hình thức biểu cảm bằng cấp kim loại, mô phỏng vật lý được ứng dụng trong quy trình thiết kế để tối ưu hóa hình dáng các kết cấu giàn.

Để giải quyết các nhiệm vụ sáng tạo, các công cụ của phương pháp số dần được bổ sung bằng những thuật toán phức tạp hơn - trí tuệ nhân tạo - hoạt động trên cơ sở học máy chuyên sâu. Một trong những ứng dụng quan trọng mới đây nhất của trí tuệ nhân tạo là thị giác máy tính, có thể hỗ trợ và nhận dạng các yếu tố kiến trúc từ các bức ảnh, từ đó xác định phong cách và thời đại của đối tượng. Điều quan trọng là phải xem xét sự thể hiện (về mặt vật lý) của các đối tượng được nghiên cứu bằng phương pháp số. Hình học thu được bằng cách tối ưu hóa hoặc mô phỏng máy tính thường là



Gian triển lãm Fab Lab House 2010 tại Barcelona – ví dụ về ứng dụng mô phỏng để tạo hình kiến trúc

một cấu trúc phức tạp gần như không thể tạo ra bằng các phương pháp thông dụng. Công cụ chính để tạo các đối tượng phức tạp như vậy là nguyên mẫu (prototyping).

Prototyping liên quan tới việc tạo các mô hình quy mô khác nhau trong quá trình làm việc của một dự án. Các mô hình có thể được chia thành ba nhóm riêng biệt: Mô hình khái niệm (được sử dụng để hình thành ý tưởng thiết kế); mô hình nghiên cứu (được sử dụng trong phân tích và đánh giá các ý tưởng thiết kế); và mô hình trình diễn (một phần trong bước trình diễn cuối cùng ý tưởng thiết kế cho bên đặt hàng). Các mô hình khái niệm có thể trừu tượng hơn và quá trình tạo ra chúng chuyên môn hơn. Mô hình nghiên cứu có thể bao gồm vật liệu và các kích thước chính xác để đánh giá các khía cạnh thiết kế cụ thể, chẳng hạn như hình thái, kết cấu hoặc chức năng. Cuối cùng, các mô hình trình diễn thường có mức chi tiết hóa rất cao, tương đồng với thiết kế cuối cùng để công chúng hiểu.

Mô hình vật lý cho phép kiểm soát dự án trực tiếp, và đặc biệt hữu ích để nghiên cứu hình học không gian của hình dạng. Về nguyên tắc, nhiều khía cạnh của dự án rất khó phân biệt trong các hình ảnh kiến trúc, chẳng hạn phác thảo, bố cục, mô hình 3D... Do đó, mô hình vật lý vẫn rất cần thiết trong quá trình thiết kế, cho dù kỹ thuật số đã trở nên phổ biến.

Các cách tiếp cận prototyping hiện đại, tức là tiếp cận các mô hình như phần mô tả trên đây đều dựa vào việc sử dụng các công cụ số trong quy trình sản xuất. Điều này cho phép hiện thực hóa các ý tưởng kiến trúc dù rất phức tạp - đó là kết quả tích hợp môi trường máy tính và kiến trúc. Ngoài khả năng triển khai các hình thức mới bằng phương pháp thiết kế số, các công cụ prototyping còn cho phép nâng cao sự chính xác và tốc độ lập mô hình.

Các phương pháp prototyping hiện đại gắn liền với việc ứng dụng các công cụ số trong thiết kế kiến trúc. Ngoài sự tồn tại của các công cụ thiết kế máy tính có thể tạo và thực hiện các hình thức phức tạp, prototyping còn đòi hỏi sử dụng rất nhiều máy móc được điều khiển số, ví dụ máy phay quản lý số, cắt laser, máy in 3D, sản xuất robot,... Khi ứng dụng các công cụ này, toàn bộ ý tưởng nguyên mẫu được xem xét về

mặt kỹ thuật, chứ không phải về mặt thiết kế. Nói cách khác, nhiều giải pháp chỉ tập trung vào các chi tiết của quy trình sản xuất, thay vì nghiên cứu các khía cạnh kiến trúc của dự án. Có thể khẳng định bước tiến của prototyping chỉ ra sự vận động từ “làm thế nào” đến “làm cái gì”.

Trong bất cứ trường hợp nào, công nghệ thông tin cũng cho phép tạo ra sự liên tục trong quá trình thiết kế, từ ý tưởng đến thực hiện, tuy nhiên câu hỏi: kiến trúc sư có thể duy trì việc kiểm soát hoàn toàn mọi khía cạnh của dự án, và liệu có cần thiết phải tập trung vào một giai đoạn thiết kế cụ thể - tới nay vẫn là vấn đề mở.

M.Salekh

*Nguồn: Tạp chí Architecture & Modern
Information Technologies 5/2020*

ND: Lê Minh

Đại hội Đảng bộ Viện Vật liệu xây dựng nhiệm kỳ 2020 - 2025

Ngày 5/6/2020, tại Hà Nội, Viện Vật liệu xây dựng tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh dự và phát biểu chỉ đạo tại Đại hội.

Đảng bộ Viện Vật liệu xây dựng (Đảng bộ VIBM, thuộc Đảng bộ Bộ Xây dựng) nhiệm kỳ 2015 - 2020 gồm 62 Đảng viên (57 Đảng viên chính thức). Nhận thức sâu sắc vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức Đảng, Đảng bộ VIBM chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo; phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng tới từng đồng chí trong BCH Đảng ủy; tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Viện; xây dựng, rèn luyện phong cách làm việc khoa học; thực hiện dân chủ trong sinh hoạt, chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chức Đảng; đào tạo căn bản, nâng cao bồi dưỡng định kỳ cho Đảng ủy viên.

Cùng với việc kiện toàn tổ chức Đảng, nhiệm kỳ qua, Đảng bộ VIBM thành lập mới 1 Chi bộ, bồi dưỡng, kết nạp 10 Đảng viên mới, chuyển sinh hoạt Đảng cho 19 đồng chí, phát thẻ Đảng viên cho 16 đồng chí, tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho 2 đồng chí. Quán triệt chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng, Đảng ủy Bộ Xây dựng, Đảng bộ VIBM đã đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về Xây dựng chính đồn Đảng, gắn với Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Quy định số 08-QĐi/TW của BCH Trung ương Đảng quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, qua đó giúp cán bộ, Đảng viên Viện Vật liệu xây dựng nâng cao nhận thức về Đảng và công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn mới.

Nhờ sự chỉ đạo của tập trung, quyết liệt của Đảng bộ VIBM nhiệm kỳ 2015 - 2020, Viện Vật



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu chỉ đạo tại Đại hội

liệu xây dựng đã đẩy mạnh thực hiện và hoàn thành xuất sắc vai trò, chức năng và các nhiệm vụ trọng tâm được lãnh đạo Bộ Xây dựng giao phó, đồng thời mở rộng hợp tác trong nước, quốc tế, phát triển Viện cả về lượng và chất, khẳng định thương hiệu Viện nghiên cứu khoa học đầu ngành trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, có uy tín cao đối với các đối tác quốc tế.

Giai đoạn 2015 - 2020, VIBM hoàn thành xây dựng mới và soát xét 1 Quy chuẩn, 106 Tiêu chuẩn, đồng thời tích cực kiểm tra, giám định chất lượng và cấp chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy cho các sản phẩm vật liệu xây dựng trên thị trường. Giai đoạn này, Viện thực hiện 119 đề tài nghiên cứu, trong đó có 4 đề tài cấp Nhà nước, 71 đề tài cấp Bộ, 38 đề tài do doanh nghiệp đặt hàng. Bên cạnh đó, Viện cũng đẩy mạnh công tác tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, nhờ đó giá trị doanh thu của công tác này đạt 56 tỷ đồng, bằng 136% giai đoạn trước.

Trong các lĩnh vực công tác của Viện, nghiên cứu khoa học là hoạt động ưu tiên hàng đầu, quan trọng nhất và luôn được Đảng bộ, lãnh đạo Viện quan tâm đầu tư thích đáng. Nhờ đó, số lượng, chất lượng và quy mô các đề tài, dự án từ các nguồn vốn khác nhau đã tăng trưởng rõ rệt

so với nhiệm kỳ trước. Các nhiệm vụ được thực hiện hiệu quả cả về nội dung, chất lượng và tiến độ, đặc biệt số lượng các đề tài nghiên cứu từ nguồn vốn doanh nghiệp ngày càng tăng lên. Điều này cho thấy năng lực nghiên cứu của VIBM được các doanh nghiệp đánh giá cao, bám sát nhu cầu thực tế và ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn sản xuất.

Giai đoạn 2015 - 2020 cũng là giai đoạn hợp tác quốc tế diễn ra mạnh mẽ đối với Viện Vật liệu xây dựng, khi Viện không ngừng phấn đấu trở thành tổ chức khoa học công nghệ có uy tín trong khu vực ASEAN và trên thế giới, thực hiện nghiên cứu các sản phẩm và công nghệ mang tính chiến lược phục vụ sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp vật liệu xây dựng Việt Nam, ngày càng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng tái chế phế thải công nghiệp, nông nghiệp, rác thải sinh hoạt trong sản xuất, chế tạo VLXD. Bên cạnh đó, Viện cũng tăng cường các hoạt động nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, công nghệ mới làm tiền đề cho các hoạt động tư vấn, dịch vụ, sản xuất và kinh doanh và tìm hướng đi mở rộng phạm vi hoạt động của Viện ra nước ngoài.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, nhiệm kỳ mới, VIBM đề ra mục tiêu xây dựng Chiến lược phát triển Viện Vật liệu xây dựng đến năm 2035, định hướng đến năm 2045; xây dựng và đưa vào sử dụng hiệu quả cơ sở 2 của Viện tại Hà Nam; thu nhập bình quân đầu người của cán bộ viên chức và người lao động năm sau cao hơn năm trước, đảm bảo phúc lợi của người lao động không thấp hơn giai đoạn 2015 - 2020;

Cùng với đó, Đảng bộ Viện Vật liệu xây dựng phấn đấu 100% đảng viên, công chức, viên chức và người lao động được học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; 100% các cấp ủy Đảng xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đồng thời tiếp



*Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh chúc mừng
BCH Đảng ủy Viện Vật liệu Xây dựng
nhiệm kỳ 2020 - 2025*

tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị 05 - CT/TW của Bộ Chính trị về Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội, các đại biểu đã bỏ phiếu bầu BCH Đảng ủy VIBM nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 9 đồng chí. Đồng chí Lê Trung Thành, Bí thư Đảng ủy VIBM nhiệm kỳ 2015 - 2020, được đại hội tín nhiệm bầu vào BCH và tái giữ chức Bí thư Đảng ủy VIBM nhiệm kỳ 2020 - 2025, với tỷ lệ đạt 100% đại biểu tán thành.

Đại hội cũng đã tiến hành bầu các đại biểu đi dự Đại hội Đảng cấp trên và thông qua Nghị quyết Đại hội, với kết quả 100% đại biểu tán thành.

Phát biểu tại Đại hội, thay mặt Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh ghi nhận và đánh giá cao những thành tựu nổi bật của Đảng bộ, tập thể lãnh đạo, cán bộ viên chức và người lao động Viện Vật liệu xây dựng trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 đối với sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng nói riêng, phát triển kinh tế, xã hội đất nước nói chung.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh nhận định trong giai đoạn tới, lĩnh vực vật liệu xây dựng sẽ có nhiều điều kiện phát triển, mở ra những hướng mới, cơ hội mới. Do đó, để khẳng định hơn nữa thương hiệu Viện nghiên cứu khoa học đầu ngành trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, Đảng bộ VIBM nhiệm kỳ 2020 - 2025 cần tập

trung chỉ đạo Viện đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt trong chiến lược phát triển Viện.

Nhằm phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh chỉ đạo Đảng bộ VIBM tập trung nghiên cứu, ban hành Nghị quyết về lĩnh vực nghiên cứu khoa học, trong đó xác định rõ mục tiêu phục vụ công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng; xây dựng chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050; chú trọng hoàn thiện hệ thống Quy chuẩn, Tiêu ngành Xây dựng, đặc biệt là các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn về phát triển các dự án vật liệu xây dựng.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh chỉ đạo VIBM đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra các sản phẩm mới thân thiện môi trường, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, phục vụ nhu cầu thực tiễn đời sống xã hội; việc đầu tư phát triển Viện cần có định hướng cụ thể, phù hợp với thực tiễn và có giải pháp khả thi, trong đó chú trọng hoàn thiện, nâng cao hơn nữa điều kiện sống và làm việc của cán bộ, viên chức, người lao động VIBM tại

trụ sở chính và phân viện Miền Nam.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh tin tưởng với các Đảng viên - Nhà khoa học có bản lĩnh vững vàng, chuyên môn bài bản, lòng nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm cao, Đảng bộ Viện Vật liệu xây dựng nhiệm kỳ 2020 - 2025 sẽ phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng, phát triển Viện ngày càng vững mạnh, đóng góp quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các chức năng, nhiệm vụ chính trị của Bộ Xây dựng.

Kết luận Đại hội, Bí thư Đảng ủy, Viện trưởng Lê Trung Thành cảm ơn Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đã tham dự và có những chỉ đạo sát sao các lĩnh vực hoạt động của VIBM và cho biết, Đảng bộ, lãnh đạo và tập thể cán bộ viên chức, người lao động Viện Vật liệu xây dựng sẽ nỗ lực, phấn đấu hiện thực hóa các chỉ đạo của Thứ trưởng cũng như của Ban Cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Xây dựng để phát triển Viện Vật liệu ngày càng vững mạnh, đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng nói riêng và cả nước nói chung.

Trần Đình Hà

Vụ Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020 - 2022

Ngày 9/6/2020, tại trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Vụ Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020 - 2022. Tham dự Đại hội có Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Lê Văn Toàn.

Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc nhiệm kỳ 2017 - 2020 có 15 Đảng viên. Trong đó, 2 Đảng viên công tác tại Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội. Nhiệm kỳ qua, Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc đã bám sát sự chỉ đạo của Ban Cán sự, Đảng ủy, lãnh đạo Bộ Xây dựng,

đồng thời tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát hiệu quả các hoạt động của Vụ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc; thực hiện dân chủ trong sinh hoạt, chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chức Đảng; nâng cao bồi dưỡng định kỳ cho Đảng viên.

Phát triển Đảng viên mới là một trong những nhiệm vụ được Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc dành nhiều sự quan tâm. Trong nhiệm kỳ qua, Chi bộ đã đào tạo, bồi dưỡng, kết nạp 2 Đảng viên mới làm nguồn cán bộ kế cận. Quán triệt chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng, Đảng ủy Bộ Xây dựng, Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc đã đẩy

manh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về Xây dựng chính đồn Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Quy định số 08-QĐi/TW của BCH Trung ương Đảng quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Với việc xác định “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” là cuộc vận động thường xuyên, liên tục, có ý nghĩa chính trị sâu sắc trong thực tiễn cũng như trong công tác xây dựng Đảng, Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc đã kết hợp chặt chẽ “Học tập” với “Làm theo” tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thu hút sự hưởng ứng, tham gia của đồng đồn cán bộ, Đảng viên, công chức trong Vụ, giúp cán bộ, Đảng viên Vụ Quy hoạch - Kiến trúc nâng cao nhận thức về Đảng và công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn mới.

Trong nhiệm kỳ qua, Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc đều đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh, các Đảng viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Trong nhiệm kỳ mới, Vụ Quy hoạch - Kiến trúc xác định nhiều nhiệm vụ trọng tâm, bao gồm: Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Vụ; tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, cử cán bộ, công chức đi học tập kinh nghiệm quốc tế thông qua thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị để thường xuyên cập nhật và đánh giá việc thực hiện quy hoạch; tăng cường phối hợp với các chuyên gia, hội nghề nghiệp có kinh nghiệm trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc nhằm nâng cao chất lượng công tác phản biện, góp ý các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, kiến trúc công trình.

Cùng với đó, Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc sẽ tập trung đổi mới phương thức sinh hoạt, gắn nội dung trao đổi chuyên môn với thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ; 100% đảng



Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng Lê Văn Toàn chúc mừng Chi ủy Vụ Quy hoạch - Kiến trúc nhiệm kỳ 2020 - 2022

viên, cán bộ, công chức học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; 100% Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 10% Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị 05 - CT/TW của Bộ Chính trị về Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội, các đại biểu đã bỏ phiếu bầu Chi ủy Vụ Quy hoạch - Kiến trúc nhiệm kỳ 2020 - 2022 gồm 3 đồng chí. Đồng chí Trần Thu Hằng, Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2017 - 2020, được Đại hội tín nhiệm bầu vào Chi ủy và tái giữ chức Bí thư Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc nhiệm kỳ 2020 - 2022, với tỷ lệ đạt 100% đại biểu tán thành.

Đại hội cũng tiến hành bầu các đại biểu đi dự Đại hội Đảng cấp trên, đóng góp ý kiến hoàn thiện Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Bộ Xây dựng và thông qua Nghị quyết Đại hội, với kết quả 100% đại biểu tán thành.

Tham dự Đại hội, thay mặt Ban Cán sự Đảng, Đảng ủy Bộ Xây dựng, đồng chí Lê Văn Toàn đánh giá, trong nhiệm kỳ qua, Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2017 - 2020 và các nhiệm vụ được lãnh đạo Bộ Xây dựng giao. Điều đó khẳng định bản lĩnh, năng lực tổ chức, điều hành, lãnh đạo của Chi ủy cũng như chất lượng đội ngũ Đảng

viên Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc ngày càng được nâng cao.

Đồng chí Lê Văn Toàn mong muốn trong nhiệm kỳ tới, Chi bộ Vụ Quy hoạch - Kiến trúc tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức Đảng, bám sát chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng, Đảng ủy, lãnh đạo Bộ Xây dựng để triển khai và phấn đấu hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao, đóng góp quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Bộ Xây dựng.

Cảm ơn đồng chí Lê Văn Toàn đã tham dự

và có ý kiến chỉ đạo sát sao các lĩnh vực hoạt động của Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Bí thư Chi bộ, Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc Trần Thu Hằng cho biết, tập thể Chi bộ, lãnh đạo, cán bộ công chức Vụ Quy hoạch - Kiến trúc sẽ nỗ lực phấn đấu triển khai, thực hiện và hoàn thành tốt nhất các kế hoạch, mục tiêu được Đại hội đề ra cũng như các nhiệm vụ được lãnh đạo Bộ Xây dựng giao.

Trần Đình Hà

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh dự Đại hội Chi bộ Trung tâm Thông tin nhiệm kỳ 2020 - 2025

Ngày 10/6/2020, tại Hà Nội, Trung tâm Thông tin tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tham dự và phát biểu chỉ đạo tại Đại hội có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh.

Chi bộ Trung tâm Thông tin thuộc Đảng bộ Bộ Xây dựng, gồm 8 Đảng viên (100% Đảng viên chính thức). Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, với việc bám sát sự chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Xây dựng, Chi ủy Trung tâm Thông tin đã phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức Đảng, triển khai và thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về Xây dựng chính đồn Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Quy định số 08-QĐi/TW của BCH Trung ương Đảng quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên

Trong toàn nhiệm kỳ, Chi bộ Trung tâm Thông tin luôn chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo; phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng tới từng đồng chí trong Chi ủy; tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Trung tâm; thực hiện dân chủ trong sinh hoạt, chú trọng nâng cao chất



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu chỉ đạo tại Đại hội

lượng sinh hoạt tổ chức Đảng.

Trong nhiệm kỳ mới, Chi bộ Trung tâm Thông tin phấn đấu tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII và Quy định số 08-QĐi/TW của BCH Trung ương Đảng; xây dựng Trung tâm Thông tin ngày càng vững mạnh trong hoạt động công nghệ và thông tin; bổ sung, rà soát, hoàn thiện các quy chế làm việc, nâng cao năng lực lãnh đạo, kỹ năng nghiệp vụ công tác Đảng cho cấp Ủy trong Chi bộ;

Chi bộ Trung tâm Thông tin đề ra mục tiêu phấn đấu trong nhiệm kỳ 2020 - 2025: 100%

Đảng viên được học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các Nghị quyết của của Ban chấp hành Trung ương Khóa XIII; trong nhiệm kỳ kết nạp ít nhất 4 Đảng viên, xây dựng Chi bộ Trung tâm Thông tin thành tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh; hàng năm, 100% đảng viên trong Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tại Đại hội, các đại biểu đã bỏ phiếu bầu Chi ủy Trung tâm Thông tin nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 2 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Ngọc Quang, Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020, được Đại hội tín nhiệm bầu vào Chi ủy và bầu tái giữ chức Bí thư Chi bộ Trung tâm Thông tin nhiệm kỳ 2020 - 2025, với tỷ lệ 100% đại biểu tán thành; Đại hội cũng tiến hành bầu các đại biểu đi dự Đại hội Đảng cấp trên và thông qua Nghị quyết Đại hội, với kết quả 100% đại biểu tán thành.

Tham dự Đại hội, thay mặt Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh ghi nhận và đánh giá cao những kết quả tích cực của Chi bộ Trung tâm Thông tin đạt được trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, đồng thời cho biết, trong thời đại khoa học công nghệ ngày càng phát triển, đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, thông tin là nguồn tài sản vô giá, do đó, Chi bộ Trung tâm Thông tin nhiệm kỳ mới cần xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng của Trung tâm đối với Bộ Xây dựng, ngành Xây dựng, từ đó xây dựng chiến lược phát triển Trung tâm một cách xứng tầm.

Bên cạnh đó, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh chỉ đạo Trung tâm Thông tin thực hiện hệ thống hóa nguồn thông tin, hình thành kho dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng cũng như yêu cầu phát triển Ngành và phát triển đất nước; đổi mới phương thức làm việc, thực hiện sắp xếp, tổ chức tinh gọn bộ máy cơ quan theo hướng tăng cường bộ phận chuyên môn, giảm dần bộ phận phục vụ.

Với những kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ qua, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh tin tưởng Chi bộ Trung tâm Thông tin nhiệm kỳ 2020 - 2025 sẽ phát huy mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức Đảng, phát triển Trung tâm ngày càng vững mạnh, đóng góp quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các chức năng, nhiệm vụ chính trị của ngành Xây dựng.

Kết luận Đại hội, Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nguyễn Ngọc Quang cảm ơn Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đã tham dự và có những chỉ đạo sát sao các lĩnh vực hoạt động của Trung tâm và cho biết, Chi bộ, lãnh đạo và tập thể cán bộ, viên chức Trung tâm Thông tin sẽ nỗ lực, phấn đấu phát triển Trung tâm ngày càng vững mạnh, đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng nói riêng và cả nước nói chung.

Trần Đình Hà

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh tiếp Giám đốc Quốc gia Văn phòng KOICA tại Việt Nam Cho Han-Deog

Ngày 11/6/2020, tại trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh có buổi đón tiếp và làm việc với Giám đốc Quốc gia Văn phòng KOICA tại Việt Nam Cho Han-Deog.

Tại buổi làm việc, ông Cho Han-Deog bày tỏ sự vui mừng khi đến thăm, làm việc với Bộ Xây dựng, đồng thời đánh giá cao kết quả công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 của Việt

Nam trong thời gian vừa qua, góp phần tạo điều kiện để 2 bên gặp gỡ, trao đổi và tăng cường hợp tác, triển khai các dự án tại Việt Nam.

Ông Cho Han-Deog cho biết Hàn Quốc là quốc gia có nền khoa học công nghệ phát triển, có nhiều kinh nghiệm trong phát triển đô thị thông minh, nhà ở xã hội - Những lĩnh vực hiện nay được Chính phủ Việt Nam, Bộ Xây dựng



Toàn cảnh buổi làm việc
đặc biệt quan tâm. Trong khuôn khổ hợp tác hữu nghị giữa Chính phủ 2 nước, thời gian qua Chính phủ Hàn Quốc đã hỗ trợ Bộ Xây dựng thực hiện nhiều chương trình, dự án trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, đồng thời giúp chính quyền một số tỉnh, thành thuộc khu vực miền Trung triển khai các dự án phát triển đô thị thông minh. Trong chiến lược hợp tác, phát triển của mình, Chính phủ Hàn Quốc, KOICA luôn xác định Việt Nam là đối tác quan trọng ở khu vực Châu Á.

Chúc mừng ông Cho Han-Deog được bổ nhiệm làm tân Giám đốc Quốc gia Văn phòng KOICA tại Việt Nam, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đánh giá cao những hỗ trợ mà KOICA dành cho Bộ Xây dựng trong thời gian qua thông qua: Cung cấp các chương trình, dự án ODA viện trợ không hoàn lại, giúp Bộ Xây dựng nâng cao năng lực thể chế, năng lực cán bộ; dành các suất học bổng dài hạn và ngắn hạn, tạo điều kiện cho cán bộ có cơ hội học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nghiên cứu kinh nghiệm của Hàn Quốc để lựa chọn áp dụng trong quá trình xây dựng chính sách về phát triển cơ sở hạ tầng, nhà ở xã hội và quy hoạch phát triển đô thị của Việt Nam; cung cấp chuyên gia làm việc tại Bộ Xây dựng hỗ trợ cho công tác nghiên cứu xây dựng chính sách và văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành phát triển đô thị.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh cảm ơn Chính phủ Hàn Quốc



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh chụp ảnh lưu niệm cùng Giám đốc Quốc gia Văn phòng KOICA tại Việt Nam Cho Han-Deog

thông qua KOCIA đã tài trợ cho các dự án ODA viện trợ không hoàn lại: “Dự án Hỗ trợ kỹ thuật Quy hoạch Đô thị xanh tại Việt Nam” thực hiện thành công giai đoạn 6/2015 - 6/2018 ; “Dự án hỗ trợ kỹ thuật Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021-2030” thực hiện giai đoạn 11/2018 - 12/2020, mặc dù gặp khó khăn do dịch COVID-19 phải kéo dài thời gian thực hiện thêm 6 tháng để đảm bảo chất lượng dự án, hiện dự án đang được hai bên nỗ lực phối hợp triển khai thực hiện để cố gắng đạt mục tiêu và kết quả dự kiến đề ra.

Để nâng cao hơn nữa quan hệ hợp tác giữa 2 bên, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đề nghị KOICA sớm xem xét tài trợ Việt Nam thực hiện Dự án Hỗ trợ kỹ thuật nghiên cứu, xây dựng chính sách cho nhà ở thương mại giá thấp; phối hợp và hỗ trợ cho đề xuất Dự án KSP về “Hỗ trợ xây dựng chính sách phát triển quỹ đất dành cho nhà ở xã hội tại Việt Nam” của Bộ Xây dựng và các dự án trong lĩnh vực phát triển đô thị thông minh.

Kết thúc buổi làm việc, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh chúc Ngài Cho Han-Deog đạt được nhiều thành công trong nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam và chúc quan hệ hợp tác giữa Bộ Xây dựng - KOICA nói riêng, Việt Nam - Hàn Quốc nói chung ngày càng phát triển.

Trần Đình Hà

Hội thảo “Giải pháp phục hồi thị trường bất động sản hậu COVID-19”

Ngày 12/6 tại Hà Nội, Báo Xây dựng phối hợp với Hiệp hội Bất động sản Việt Nam tổ chức hội thảo “Giải pháp phục hồi thị trường bất động sản hậu COVID-19”, với sự tham của Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh, lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, các hội, hiệp hội chuyên ngành và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh cho biết, hiện nay dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới kinh tế nhiều nước trên thế giới và khu vực. Tại Việt Nam, dịch bệnh COVID-19 đã tác động tới nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có lĩnh vực bất động sản, đặc biệt là với các doanh nghiệp nhỏ. Tuy nhiên, các chủ đầu tư lớn có tiềm lực tài chính đều triển khai các dự án, trong đó có 56 dự án với hơn 20 nghìn căn hộ đang triển khai; 55 dự án với 18 ngàn căn đã hoàn thành. Nguồn cung nhà ở trung và cao cấp vẫn tăng do dự án hoàn thành tăng.

Về tiêu thụ sản phẩm, riêng nhà ở thương mại tiêu thụ chỉ đạt 14%, lượng giao dịch thành công giảm mạnh. Các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản nghỉ dưỡng không có nguồn thu. Giá bán nhà tăng so với năm 2019. Bất động sản công nghiệp tăng 6,2%. Hoạt động các doanh nghiệp bất động sản 11,9% thành lập, tạm ngừng kinh doanh tăng 94,1% so với năm 2019, 200 sản phẩm hoạt động cầm chừng, gần 80% sản phẩm tạm ngừng giao dịch.

Trong Quý I/2020, lượng tiêu thụ nhà ở thương mại đạt 14%, thấp nhất trong vòng 4 năm qua, bằng 40% so với cùng kỳ năm 2019; lượng giao dịch thành công giảm 36,6% so với Quý IV/2019 và chỉ bằng 14% của năm 2019. Tỷ lệ văn phòng cho thuê còn trống trong Quý I/2020 tăng so với cùng kỳ năm 2019 (văn



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh phát biểu tại hội thảo

phòng hạng A trống 10,8%; hạng B trống 5,6%). Các khu du lịch, nghỉ dưỡng tạm dừng hoạt động, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng hầu như không có nguồn thu.

Nguồn vốn đầu tư FDI đầu tư vào lĩnh vực bất động sản sụt giảm mạnh, trong Quý I/2020 chỉ có 264 triệu USD vốn đăng ký; Số doanh nghiệp được thành lập mới giảm 11,9%, tạm ngừng kinh doanh tăng 94,1% so với cùng kỳ năm 2019 (cao nhất trong tất cả các ngành nghề); số lượng sản phẩm giao dịch đóng cửa chiếm 80%; số còn lại khoảng 200 sản phẩm hoạt động cầm chừng

Nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, phục hồi nền kinh tế nói chung, Chính phủ đã đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp cơ bản như: Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định, Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch Covid-19; giảm 2% lãi suất cho vay trực tiếp, cho vay gián tiếp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa từ Quý Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Đối với thị trường bất động sản, Chính phủ

đã đưa ra 2 nhóm giải pháp chính gồm giải pháp cấp bách trước mắt và giải pháp lâu dài nhằm thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội, như: Cân đối thêm 1.000 tỷ đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo Nghị quyết số 71/2018/QH14 và bổ sung 2.000 tỷ đồng để cấp bù lãi suất cho 4 ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định để thực hiện hỗ trợ cho vay nhà ở xã hội; giải pháp về khuyến khích phát triển các dự án nhà ở thương mại giá thấp (căn hộ chung cư có quy mô dưới 70m², giá bán không vượt quá 20 triệu đồng/m²).

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh cho biết, Bộ Xây dựng hiện đang nghiên cứu, hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị quyết của Chính phủ về giải pháp khuyến khích phát triển các dự án nhà ở thương mại giá thấp. Về lâu dài, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật; đồng thời sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hình thức liên thông, cắt giảm thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết, hồ sơ, chi phí thực hiện trong hoạt động đầu tư xây dựng các dự án bất động sản.

Tại hội thảo, các diễn giả khách mời trình bày nhiều tham luận, đưa ra những đánh giá khách quan toàn cảnh bức tranh thị trường bất động sản Việt Nam hậu COVID-19, thách thức cũng như thời cơ để kịp thời đưa ra chính sách khuyến khích phát triển phục vụ ngành công nghiệp du lịch, bất động sản tạo nguồn thu cho quốc gia, hoặc cảnh báo những nguy cơ nếu có. Các tham luận đồng thời tập trung nêu bật thực trạng tình hình các doanh nghiệp bất động sản nửa đầu năm 2020; cơ chế chính sách kích cầu kinh tế tác động đến thị trường bất động sản như giảm thuế, giảm lãi suất ngân hàng, giãn nợ, khoan nợ, hạn chế thanh tra, kiểm toán, thúc đẩy đầu tư công, gia hạn giấy phép



Hội thảo thu hút đông đảo chuyên gia, khách mời tham dự

và tiến độ dự án chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19; dòng vốn lãi suất thấp từ ngân hàng vào kênh bất động sản; bất động sản công nghiệp Việt Nam đón xu thế dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, cơ hội bứt phá cho bất động sản nghỉ dưỡng và bất động sản đất nền các tỉnh trong dài hạn; sự thích ứng, chiến lược của doanh nghiệp và sự khác biệt của dự án mới sau COVID-19. Bên cạnh các tham luận sẽ là tọa đàm về các kịch bản và giải pháp phục hồi thị trường bất động sản nửa cuối năm 2020.

Ông Cấn Văn Lực - Chuyên gia Kinh tế trưởng Ngân hàng BIDV - Thành viên Hội đồng tư vấn Chính sách tài chính tiền tệ quốc gia phân tích, với tâm lý “Tiền mặt là vua”, trong bối cảnh kinh tế bất ổn, các nhà đầu tư ưu tiên giữ nguồn vốn, tập trung đầu tư vào các thị trường họ am hiểu. Nhóm các nhà đầu tư mới có chiến lược bảo thủ hơn, tâm lý phòng thủ rủi ro, các khoản đầu tư lớn bị tạm dừng; lối sống, phương thức làm việc thay đổi và dịch chuyển chuỗi sản xuất; thiếu minh bạch, quỹ đất, nguồn vốn, rà soát pháp lý vẫn là rào cản lớn. Nguồn cung hạn chế trong khi đó xu hướng M&A tăng do nhu cầu bán tài sản, giá bán phải chững và doanh nghiệp có chiến lược giải ngân thời điểm này.

Dù quá trình đô thị hóa vẫn diễn ra nhưng khâu thiết kế và đầu tư cơ sở hạ tầng thành phố thông minh sẽ khác đi. Đầu tư công, đầu tư y tế, giáo dục, cơ sở hạ tầng được đẩy mạnh bất động sản phát triển. Xu thế số hóa, minh bạch

hóa thị trường bất động sản là tất yếu. Các doanh nghiệp bất động sản cần lưu ý. Hiện nay, có 3 phân khúc khó khăn hơn như mặt bằng bán lẻ, văn phòng cho thuê, bất động sản du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự liền kề tiêu thụ khó khăn. Bên cạnh đó, 3 lĩnh vực sáng sủa hơn như bất động sản logistic; bất động sản nhà ở với mô hình nhà ở gia đình đa hệ, nhà ở cấp trung và thấp hơn, thay đổi thiết kế nhà ở sinh viên; bất động sản công nghiệp khả quan với yêu cầu đất sạch và kèm môi trường đảm bảo.

Ông Cấn Văn Lực đưa ra một số giải pháp hồi phục thị trường bất động sản hậu dịch bệnh COVID-19, gồm: Thực hiện nhanh và hiệu quả, quyết liệt hơn các gói hỗ trợ; Phát huy, khai thác các động lực tăng trưởng thay thế bổ sung như thúc đẩy xuất khẩu các thị trường tiềm năng; quyết liệt đẩy nhanh giải ngân đầu tư công; thúc đẩy đầu tư tư nhân; tận dụng cơ hội thu hút có sàng lọc đầu tư nước ngoài; kích cầu tiêu dùng nội địa; phát triển kinh tế số, kinh doanh số và Chính phủ điện tử. Đẩy mạnh cải thiện thực chất môi trường đầu tư - kinh doanh nhất là cải cách thủ tục hành chính; tháo gỡ rào

cản pháp lý, quy trình, đồng thời thúc đẩy nhu cầu về nhà ở.

Đối với doanh nghiệp và các hội, hiệp hội về bất động sản nên tập trung thực hiện mô hình 3 Rs: Respond (ứng phó với đại dịch), Ricover (phục hồi), Re-invent (đổi mới sáng tạo trong mô hình/ chiến lược kinh doanh) + 2Rs khác: Restructure (tái cơ cấu) và Resilience (khả năng chống chịu cú sốc bên ngoài). Doanh nghiệp cần quan tâm hơn nữa tới người lao động; quản lý tài chính; khách hàng và đối tác.

Phát biểu kết luận hội thảo, Nhà báo Nguyễn Anh Dũng - Tổng Biên tập Báo Xây dựng cảm ơn Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh và các chuyên gia, đại biểu khách mời đã tham dự, thảo luận và đóng góp ý kiến, giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh phát triển thị trường bất động sản hậu dịch COVID-19, Ban tổ chức sẽ tổng hợp để báo cáo Bộ Xây dựng nhằm ban hành chính sách thực tiễn, hỗ trợ thị trường bất động sản phát triển trong tương lai.

Trần Đình Hà

Quản lý chất thải ở các thành phố biển thông minh

Hơn 40% dân số trên toàn cầu sống trong phạm vi 100km từ đường bờ biển. Và hầu hết các tác động bất lợi lên nước biển do người dân sống trong vùng lân cận gây ra.

Không có gì ngạc nhiên khi các thành phố lớn tập trung các khu công nghiệp góp phần gây ra những tác động tiêu cực này. Chất thải nhựa, chất thải công nghiệp, nước thải, nước thải từ các trang trại (farm runoff) và các chất ô nhiễm khác là mối đe dọa thường trực cho hệ sinh thái biển.

Theo Silicon Canals, chất thải nhựa trên biển (marine plastic) được ước tính nhiều hơn các loài khác trên biển vào năm 2050. Chất thải này bắt nguồn từ đất liền, được đổ xuống sông và kênh rạch và cuối cùng đổ ra biển.

Không phải ai cũng biết rằng, hệ sinh thái biển chiếm 70% sự sống (hoặc nguồn nước) trên Trái đất. Từ quan điểm chất lượng cuộc sống đối với con người, môi trường biển hỗ trợ sự tồn tại văn hóa, xã hội và kinh tế của con người. Do đó, các thành phố thông minh tại các bờ biển phải áp dụng mô hình “Thành phố biển thông minh – Smart Ocean City”.

Thành phố biển thông minh là gì?

Các thành phố thông minh trên toàn cầu đang có nhiều giải pháp sáng tạo để cải thiện chất lượng cuộc sống. Trong số các giải pháp đó, là việc sử dụng dữ liệu mở. Khoa học dữ liệu tích hợp với công nghệ như cảm biến đang cho thấy kết quả tích cực. Sự tác nghẽn giao thông, thu gom chất thải, chất lượng không khí và

không gian công cộng đang chứng kiến một sự chuyển đổi hấp dẫn.

Một cách tiếp cận tương tự được sử dụng để tái tạo và phục hồi nước biển làm nảy sinh khái niệm Smart Ocean City. Nó liên quan đến một chương trình áp dụng công nghệ thu thập dữ liệu để giám sát biển và đại dương.

Bằng cách làm sạch nước biển, các thành phố biển thông minh có cơ hội thu được lợi ích kinh tế to lớn. Chúng có thể tạo ra một môi trường an toàn hơn, lành mạnh hơn và xanh hơn gần bờ biển.

Lấy Thành phố Copenhagen là 1 ví dụ thực tế chứng minh những lợi ích này. Thành phố đã bắt đầu phục hồi khu vực cảng hai thập kỷ trước. Ngày nay, khu vực này từ một bến tàu bản thủ biến thành một không gian công cộng hưng thịnh với đầy đủ tiện nghi. Có công viên nước, hồ bơi bên cảng, taxi nước (water taxis) và nhiều hoạt động hơn nữa thu hút người dân và khách du lịch.

Chính những thành phố ven biển này có thể có tác động tích cực nhất đối với hệ sinh thái biển. Chuyển trọng tâm sang khía cạnh kỹ thuật, đây là một số biện pháp mà các thành phố biển thông minh có thể thực hiện:

- Hạn chế sự phát triển của hiện tượng tảo nở hoa và tình trạng khan hiếm oxy ở những vùng chết ven biển thông qua xử lý nước thải.

- Sử dụng vi khuẩn để chuyển đổi nitrat và photphat từ nước thải nông trại thành phân bón và thức ăn cho cá.

- Cấm chất thải nhựa và đầu tư vào một hệ thống quản lý chất thải hiệu quả.

- Ngăn chặn việc đổ chất thải vào các bãi chôn lấp và xuất khẩu sang các nước thứ 3.

- Thúc đẩy các biện pháp phục hồi tài nguyên thiên nhiên biển bao gồm các rạn san hô, các loài động vật có vỏ (shellfish beds), trang trại thực vật biển, nghề cá, v.v.

- Thực hiện các quy định cải thiện bờ biển / đại dương địa phương.

Nhiệm vụ làm sạch biển Baltic

Một nhóm gồm 270 tổ chức từ Phần Lan và các quốc gia khác quanh Biển Baltic đã tham gia “Thử thách Biển Baltic”. Nói một cách đơn giản, sáng kiến này cam kết bảo tồn hệ sinh thái của biển.

Thị trường Helsinki và Turku với các thành phố khác của Phần Lan đã đưa ra kế hoạch hành động chung vào năm 2019. Khoản quyên góp 50.000 euro đã được thành phố Helsinki cung cấp để bảo vệ biển Baltic. Các khoản tiền sẽ giúp chiến dịch trong “các thử nghiệm nhanh chóng – speedy experiments” sẽ được thực hiện tiếp tục từ một đến sáu tháng. Mục tiêu là khám phá những ý tưởng sáng tạo và kiểm tra chức năng của chúng trong các giai đoạn phát triển ban đầu. Các thử nghiệm được chọn trong khoảng từ € 1.000 đến € 8.000 sẽ được mua. Nhưng điều kiện sẽ là thử nghiệm có thể được thực hiện trong khoảng thời gian sáu tháng.

Khoảng 70% chất thải đổ xuống biển Baltic là nhựa. Bao bì vứt bỏ từ các con sông và hệ thống thoát nước được đổ ra biển. Chất thải nhựa là tác hại nhất đối với môi trường vì phải mất nhiều năm để phân hủy. Trong khi đó, nó cũng có thể giải phóng các hóa chất độc hại thông qua các hoạt động như chuỗi thức ăn cho cá.

Do đó, Thử thách Biển Baltic chủ yếu tập trung vào việc ngăn chặn và làm sạch chất thải nhựa. Nó sẽ khám phá các giải pháp và dịch vụ ngăn chặn hoặc giảm lượng chất thải nhựa trên bờ biển và trên biển. Hơn nữa, nó cũng dự định thúc đẩy việc tái sử dụng chất thải nhựa được thu gom từ biển. Kế hoạch là nâng cao nhận thức về vấn đề xả rác trên biển và khuyến khích hành động cụ thể để bảo vệ Biển Baltic.

Chiến dịch “Thử thách Biển Baltic” đã mời các hiệp hội, công ty, công ty khởi nghiệp và các nhóm nghiên cứu gửi ý tưởng thử nghiệm. Tuy nhiên, ứng dụng chỉ dành cho các thành viên của Hiệp hội đăng ký Phần Lan hoặc Hiệp hội Đăng ký thương mại Phần Lan. Thời gian nộp đơn để gửi thí nghiệm kết thúc vào ngày 22 tháng 3 năm 2020.

Chiến dịch ngăn chặn chất thải không trực tiếp

Thành phố Amsterdam và các Hội đồng nước khu vực (regional water boards) đã đưa ra một giải pháp mới để giải quyết chất thải trong vùng biển. Cả hai bên hợp tác với một công ty khởi nghiệp sáng tạo The Great Bubble Barrier, đã đưa ra một thiết bị rào cản. Thiết bị này được giới thiệu để loại bỏ nhựa từ kênh và sông, đồng thời tạo điều kiện cho cá bơi qua dễ dàng.

Sáng kiến đã bắt đầu tại Kênh Westerdok, vành đai kênh quan trọng của thành phố. Nó được chọn làm điểm khởi đầu khi nó chảy vào sông IJ tiếp tục nối với kênh đào Biển Bắc.

Đây là dự án đầu tiên sẽ ngăn nhựa đổ ra biển. Đây là theo tuyên bố của Francis Zoet, đồng sáng lập của công ty khởi nghiệp The Great Bubble Barrier.

Thiết bị hoạt động thế nào

Thiết bị rào cản bao gồm một ống dài 200 feet được đục lỗ. Đường ống này được đặt tại lòng kênh trên một đường nghiêng. Khi khí nén được bơm vào đường ống, thiết bị rời đi bằng cách tạo thành bong bóng. Bởi vì nó được đặt ở vị trí chéo, các bong bóng đẩy chất thải nhựa về phía kênh.

Dự án này đã trải qua các thử nghiệm sơ bộ trong thời gian ba năm. Các thử nghiệm này đã chứng minh rằng thiết bị này có khả năng đẩy 80% chất thải kênh đào vào bờ. Hơn nữa, thiết bị có khả năng làm việc 24 giờ một ngày mà không cản trở động vật hoang dã hoặc vận

chuyển hàng hóa. Các chi tiết theo The Great Bubble Barrier.

Tầm quan trọng

Việc giới thiệu thiết bị rào cản này (barrier device) trong các kênh và sông là một cách hiệu quả cao và toàn diện để loại bỏ chất thải nhựa. Hai phần ba nhựa trong các đại dương đến từ các con sông và kênh rạch. Do đó, nếu các con sông và kênh đào được dọn sạch, nó sẽ gián tiếp giảm chất thải đi vào vùng biển. Rõ ràng, đây là một giải pháp có lợi cho cả nguồn nước ngọt và nước biển.

Mỗi năm, một đội gồm năm thuyền thu gom rác loại bỏ khoảng 92.600 pound chất thải từ các tuyến đường thủy Amsterdam. Tuy nhiên, những mảnh nhựa nhỏ và rác thải dưới lòng kênh không thể bị chặn lại bởi lưới. Do đó, thiết bị rào cản sẽ hỗ trợ những nỗ lực hiện tại trong việc làm sạch các kênh đào. Great Bubble Barrier sẽ thu gom chất thải khác biệt với những gì các thuyền rác thu gom. Sau đó, Schone Rivieren, nhóm hành động về nhựa sẽ phân tích chất thải. Các thành phố thông minh bên bờ biển có thể bắt chước các kỹ thuật như vậy để loại bỏ và ngăn chặn chất thải xâm nhập vào đại dương. Đây là một nhu cầu cấp thiết để ngăn chặn tác động của biến đổi khí hậu.

ND: Mai Anh

Nguồn: <https://www.smartcity.press/smart-ocean-cities-waste-management/>

Thành phố Phần Dương, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc thực hiện toàn diện “quản lý thành phố thông minh”

Nền tảng “quản lý đô thị thông minh” của thành phố Phần Dương, tỉnh Sơn Tây đưa 38 cơ quan chính quyền và 12 đơn vị doanh nghiệp và tổ chức trong toàn thành phố vào trong hệ thống hợp tác quản lý đô thị thông minh và tiến hành liên kết trực tuyến. “Tài khoản công cộng

Wechat quản lý đô thị” ràng buộc với hệ thống quản lý thành phố kỹ thuật số thông minh, cung cấp các hướng dẫn tra cứu thông tin tiện ích như nhà vệ sinh, xe đạp... tại Phần Dương. Công tác quản lý đô thị đã hợp nhất kỹ thuật internet và công nghệ thông tin với hình tượng

hoàn toàn mới giúp làm mới cảm nhận của người dân đô thị.

Những năm gần đây, thành phố Phần Dương đã nỗ lực đẩy mạnh cải cách thể chế thực thi pháp luật trong quản lý đô thị, lấy điểm khởi đầu là xây dựng “quản lý đô thị thông minh”, tích cực xây dựng hệ thống quản lý đô thị thông minh đầu tiên tại khu vực thành phố Lữ Lương, đồng thời tìm tòi xây dựng mô hình mới trong quản lý xây dựng đô thị.

Đối diện với các “căn bệnh đô thị” như ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông, cơ sở hạ tầng không đầy đủ..., tháng 8/2018, thành phố Phần Dương đã chính thức khởi động xây dựng dự án “quản lý đô thị thông minh” thông qua việc mua dịch vụ của chính phủ, tiến hành tổng điều tra đối với dữ liệu bộ phận khu vực đô thị 43,87 km² và dữ liệu thực 30 km², hoàn thành thu thập và lưu trữ đối với tổng cộng 73.982 phần thông tin dữ liệu với 5 loại lớn và 121 loại nhỏ về quản lý đô thị của thành phố Phần Dương, phân chia thành 945 mạng lưới đơn nguyên quản lý đô thị, hình thành nên kho dữ liệu cơ sở về quản lý đô thị. Trên cơ sở này, thành phố Phần Dương cũng đã đưa biện pháp hiện đại hóa tới các nghiệp vụ trong nội bộ ngành quản lý đô thị, xây dựng nên hệ thống quản lý giám sát chi tiết hóa bao gồm thực thi pháp luật quản lý đô thị, tác nghiệp vệ sinh môi trường, quảng cáo ngoài trời, đèn đường chiếu sáng, mạng lưới đường ống cấp nhiệt, vận chuyển bùn đất, nắp cống đô thị, từng bước xây dựng nên nền tảng quản lý đô thị thông minh được phổ cập toàn diện.

Để đảm bảo thúc đẩy hiệu quả và thuận lợi công tác xây dựng “quản lý đô thị thông minh”, thành phố Phần Dương đã thành lập tổ lãnh đạo công tác quản lý đô thị thông minh hóa do thị trưởng đảm nhiệm chức tổ trưởng, đồng thời thiết lập tổ đánh giá hiệu quả năng lượng, tiến hành theo dõi giám sát, truy cứu trách nhiệm đối với việc xác nhận đơn vị thành viên, tình hình xử lý tình huống. Ngoài ra, trung tâm chỉ

huy đơn đốc quản lý đô thị thông minh do chính quyền đứng đầu thành lập sẽ đại diện chính quyền thành phố phối hợp tổng thể quan hệ với các cơ quan chức năng khác liên quan tới quản lý đô thị, thực hiện xác nhận chuẩn xác đối với 121 loại phụ kiện và 83 loại sự kiện. Hoàn thiện hệ thống hợp tác bằng cách xác định rõ trách nhiệm và phân công hợp tác, hình thành nên cơ chế “đưa xử lý” có nhiều cơ quan, nhiều cấp doanh nghiệp, các cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư và các con phố.

Ngày 3/6/2019, Nền tảng Quản lý đô thị số hóa (thông minh) của thành phố Phần Dương đã được tổ chuyên gia của Bộ Nhà ở và Xây dựng đô thị - nông thôn Trung Quốc thẩm tra chặt chẽ, hội đồng nhất trí cho rằng dự án này có tài liệu đầy đủ, hệ thống kỹ thuật chuẩn xác, vận hành bình thường, nội dung xây dựng đáp ứng thỏa thuận hợp đồng, thống nhất đồng ý dự án thông qua nghiệm thu.

Hiện tại, thành phố Phần Dương đã có 750 nhân viên tác nghiệp vệ sinh môi trường, 300 chiếc xe tác nghiệp, đầu tư 3 bộ thiết bị phân loại rác thải, 500 ngọn đèn đường thông minh, 200 nắp cống thông minh, 20 mạng lưới đường ống cấp nhiệt, tích hợp 50 kênh tài nguyên video tự xây dựng và 3 kênh video không dây lắp đặt trên xe để phục vụ quản lý đô thị, 1 kênh video trên máy bay không người lái và 200 kênh video di động, hình thành nên nền tảng quản lý kiểm soát tài nguyên video thống nhất, thúc đẩy công tác quản lý đô thị từng bước thực hiện không có khoảng cách, không có điểm mù.

Những trải nghiệm thuận tiện trong các phương diện của đời sống đô thị đến từ việc thu thập, tổ chức sắp xếp và chia sẻ các loại dữ liệu lớn. “Tài khoản công cộng Wechat quản lý đô thị” chính là dựa trên nền tảng dữ liệu lớn trong quản lý đô thị thông minh, trên cơ sở của trang web, tin nhắn và báo cáo đường dây nóng, tạo ra nền tảng dịch vụ dân sinh, từ đó nâng cao năng lực quản lý tổng hợp và mức độ dịch vụ công cộng của đô thị. Ngoài ra, Trung

tâm Quản lý vận hành quản lý đô thị thông minh thành phố Phần Dương đã bắt đầu tìm tòi nghiên cứu để đưa ra chế độ kích lệ quần chúng trong xã hội, nâng cao tính tích cực của người dân đô thị khi tham gia quản lý đô thị, thúc đẩy cùng nhau xây dựng, cùng nhau quản lý và cùng nhau chia sẻ. Trong tương lai, nền tảng dịch vụ thuận tiện trong xã hội sẽ cung cấp các dịch vụ tiện ích phục vụ cho quản lý đô thị

như bãi đỗ xe, cấp nước cấp nhiệt, nộp phí sinh hoạt..., cung cấp các dịch vụ thông minh, hiệu quả cao và tiện lợi cho đông đảo người dân.

Diễn Vĩ

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 15/2019*

ND: Kim Nhạn

THỨ TRƯỞNG NGUYỄN VĂN SINH TIẾP GIÁM ĐỐC QUỐC GIA VĂN PHÒNG KOICA TẠI VIỆT NAM CHO HAN-DEOG

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2020



Toàn cảnh buổi làm việc



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh chụp ảnh lưu niệm cùng Giám đốc Quốc gia Văn phòng KOICA tại Việt Nam Cho Han-Deog